



CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP
VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
VỀ SẢN PHẨM KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

Tái bản lần thứ 3 – Tháng 10/2024

Unofficial translation of
Frequently Asked Questions Implementation of
the EU Deforestation Regulation

Version 3 – October 2024

Miễn trừ trách nhiệm:

Văn bản này là một tài liệu làm việc do các cơ quan thuộc Ủy ban soạn thảo, nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước, các cá nhân, tổ chức của Liên minh và các bên liên quan để thực hiện Quy định của Nghị viện châu Âu và Hội đồng Liên minh Châu Âu về việc đưa vào cũng như xuất khẩu từ thị trường Liên minh một số hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng, vĩ bãi bỏ Quy định (EU) số 995/2010 (được gọi trong tài liệu này là 'Quy định', 'Quy định này' hoặc "EUDR"). Tài liệu này chỉ phản ánh quan điểm của các cơ quan thuộc Ủy ban, không có tính ràng buộc pháp lý và không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý của Ủy ban.

Tài liệu này là một bản dịch không chính thức và không được ủy nhiệm bởi Liên minh châu Âu (EU) hoặc Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức. Bản dịch không đại diện cho bất kỳ ý kiến hoặc đánh giá chính thức nào về Quy định, và cũng không phản ánh quan điểm của Liên Minh hoặc Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức. Tài liệu này không thay thế cho các đánh giá pháp lý, và không nhằm khuyến nghị hành động. Tài liệu được biên tập bởi GIZ dựa trên bản Các câu hỏi thường gặp (Frequently Asked Questions, FAQ, Implementation of the EU Deforestation Regulation) bằng tiếng Anh được phát hành bởi Liên minh châu Âu, với mục đích thúc đẩy thảo luận.

Disclaimer:

This document is a working document drafted by the Commission services intending to provide information to national authorities, EU operators and other stakeholders for the implementation of Regulation of the European Parliament and of the Council on the making available on the Union market as well as export from the Union of certain commodities and products associated with deforestation and forest degradation and repealing Regulation (EU) No 995/2010 (referred to in this document as 'the Regulation', 'this Regulation' or "EUDR"). This document only reflects the views of the Commission services. It is not legally binding and does not engage the Commission's liability.

This document is an unofficial translation and has not been authorized by the European Union (EU) or the Government of the Federal Republic of Germany. It does not represent the official position or any opinions of the EU or the Government of Germany. This document is not a substitute for legal advice and is not intended as a recommendation for action. It was prepared by GIZ based on the "Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products" issued by the European Union, with the purpose of stimulating discussion.

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VỀ SẢN PHẨM KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

Tái bản lần thứ 3 – Tháng 10/2024

MỤC LỤC

| | | |
|-----|----------------------------------------------------|----|
| 1. | TRUY XUẤT NGUỒN GỐC | 4 |
| 2. | PHẠM VI | 15 |
| 3. | CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN | 22 |
| 4. | CÁC ĐỊNH NGHĨA | 27 |
| 5. | TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH | 34 |
| 6. | ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG VÀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC | 42 |
| 7. | HỖ TRỢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH | 46 |
| 8. | CÁC MỐC THỜI GIAN | 49 |
| 9. | CÁC CÂU HỎI KHÁC | 50 |
| 10. | CHẾ TÀI XỬ PHẠT | 56 |

1. TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

1.1. Tại sao các cá nhân, tổ chức phải thu thập tọa độ địa lý và thu thập bằng cách nào?

Quy định này yêu cầu các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phải thu thập thông tin về tọa độ địa lý của lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng.

Truy xuất nguồn gốc của sản phẩm đến tận lô đất (tức là yêu cầu thu thập tọa độ địa lý của các lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng) là cần thiết **để chứng minh rằng ở một vị trí địa lý cụ thể không xảy ra tình trạng mất rừng**. Một số cơ quan thuộc ngành và tổ chức chứng nhận đã áp dụng việc kiểm tra thông tin địa lý của lô đất nơi nuôi, trồng sản phẩm. Thông tin viễn thám (không ảnh, ảnh vệ tinh) hoặc thông tin khác (ví dụ như ảnh chụp tại hiện trường có gắn thẻ địa lý và dấu thời gian) có thể được sử dụng để xác minh xem hàng hóa và sản phẩm được khai báo có được nuôi, trồng ở khu vực bị mất rừng hay không.

Các tọa độ vị trí địa lý cần được cung cấp trong các Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình (TNGT) mà các cá nhân, tổ chức phải nộp vào Hệ thống Thông tin trước khi đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu sản phẩm ra khỏi Liên minh. Do đó, đây là yêu cầu cốt lõi của Quy định, nhằm cấm việc đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh bất kỳ sản phẩm nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này mà tọa độ vị trí địa lý chưa được thu thập và chưa được nộp vào Hệ thống thông tin như một phần của tuyên bố Trách nhiệm Giải Trình.

Việc thu thập tọa độ vị trí địa lý của lô đất có thể được thực hiện thông qua điện thoại di động, các thiết bị cầm tay sử dụng Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu ([Global Navigation Satellite System – GNSS](#)) và các ứng dụng kỹ thuật số phổ biến và miễn phí (ví dụ: Hệ thống thông tin địa lý GIS). Những thiết bị và ứng dụng này không yêu cầu phải có phủ sóng mạng di động, chỉ cần có tín hiệu Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (GNSS) tinh cậy, chẳng hạn như tín hiệu từ hệ thống định vị GALILEO của Liên minh Châu Âu.

Đối với các lô đất có diện tích trên 4 héc-ta được sử dụng để sản xuất hàng hóa (không bao gồm gia súc), vị trí địa lý phải được cung cấp dưới dạng đa giác, nghĩa là phải có đủ các tọa độ gồm vĩ độ và kinh độ chính xác đến sáu chữ số thập phân để mô tả chu vi của mỗi lô đất. Đối với các lô đất dưới 4 héc-ta, các cá nhân, tổ chức (và đơn vị thương mại không phải DNNVV) có thể chọn cung cấp vị trí địa lý dưới dạng đa giác hoặc một điểm tọa độ duy nhất gồm vĩ độ và kinh độ chính xác đến sáu chữ số thập phân. Các cơ sở chăn nuôi gia súc có thể được mô tả bằng một điểm tọa độ vị trí địa lý duy nhất.

1.2. Có cần truy xuất nguồn gốc tất cả hàng hóa được nhập khẩu, được xuất khẩu, được mua bán, trao đổi không?

Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc được áp dụng cho từng lô hàng liên quan được nhập khẩu/xuất khẩu/mua bán, trao đổi.

Quy định này yêu cầu rằng các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) phải truy xuất **mọi hàng hóa liên quan** ngược trở lại tới lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng trước khi đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh một sản phẩm liên quan.

Do đó, **nội tuyên bố TNGT bao gồm thông tin vị trí địa lý là một yêu cầu bắt buộc đối với các sản phẩm liên quan sẽ được nhập khẩu** (khi tiến hành thủ tục “thông quan để lưu thông tự do” theo quy định của hải quan) và xuất khẩu (thủ tục “xuất khẩu” theo quy định của hải quan) và các giao dịch hàng hóa khác trên thị trường.

1.3. Sản phẩm được mua bán với số lượng lớn hoặc sản phẩm hỗn hợp được quy định như thế nào? (MỚI)

Đối với các sản phẩm được giao dịch với **số lượng lớn**, chẳng hạn như dầu đậu nành hoặc dầu cọ, cá nhân, tổ chức (hoặc đơn vị thương mại không phải DNNVV) cần đảm bảo xác định tất cả các lô đất liên quan đến lô hàng. Ngoài ra, cũng cần đảm bảo rằng ở mọi giai đoạn của quá trình sản xuất, không có sự trộn hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc hàng hóa từ các khu vực rừng bị mất hoặc suy thoái sau ngày 31/12/2020 vào sản phẩm được giao dịch.

Đối với các **sản phẩm hỗn hợp** liên quan, chẳng hạn như gỗ có nhiều thành phần gỗ khác nhau, cá nhân, tổ chức cần xác định vị trí địa lý của tất cả các lô đất nơi các hàng hóa được sử dụng trong quá trình sản xuất (ví dụ gỗ) được nuôi, trồng. Các thành phần hàng hóa liên quan phải rõ nguồn gốc và không đến từ các khu vực rừng bị phá hoặc bị suy thoái sau ngày 31/12/2020.

Trường hợp **sản phẩm hỗn hợp** chứa nhiều hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan khác nhau (ví dụ, một thanh sô cô la chứa bột ca cao, bơ ca cao và dầu cọ), các cá nhân, tổ chức đưa sản phẩm đó vào thị trường Liên minh chỉ cần thực hiện trách nhiệm giải trình đối với hàng hóa chính và các sản phẩm (phái sinh) được xem là có liên quan theo Quy định này, tức là hàng hóa thuộc cột bên trái của Phụ lục I. Ví dụ, đối với thanh sô cô la (Mã HS 1806), hàng hóa có liên quan tới sản phẩm này là ca cao. Điều này có nghĩa rằng, nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình và các yêu cầu về thông tin cần phải xuất trình chỉ áp dụng đối với các sản phẩm liên quan được liệt kê tại cột bên phải của Phụ lục I theo nhóm hàng hóa liên quan có chứa trong thanh sô cô la hoặc được sử dụng để sản xuất thanh sô cô la, trong trường hợp này là bột ca cao và bơ ca cao thuộc nhóm hàng hóa ca cao.

1.4. Phương pháp cân bằng khối lượng chuỗi hành trình sản phẩm có được sử dụng không?

Quy định này yêu cầu rằng hàng hóa được sử dụng cho tất cả các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này phải được truy xuất nguồn gốc tới lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng.

Phương pháp cân bằng khối lượng chuỗi hành trình sản phẩm mà cho phép trộn lẫn, ở bất kỳ giai đoạn nào của chuỗi cung ứng, hàng hóa không gây mất rừng với hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc hàng hóa không phải hàng hóa không gây mất rừng thì theo Quy định này là **không được sử dụng**, vì không đảm bảo được rằng hàng hóa được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh là hàng hóa không gây phá rừng. Do đó, các mặt hàng được đưa vào thị trường Liên minh, hoặc được xuất khẩu từ Liên minh, cần phải được tách biệt với hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc hàng hóa không phải là hàng hóa không gây mất rừng ở mỗi giai đoạn của chuỗi cung ứng. Do phương pháp cân bằng khối lượng chuỗi hành trình sản phẩm bị loại trừ cho nên việc bảo tồn nguồn gốc đầy đủ là không cần thiết.

1.5. Nếu một phần của sản phẩm không tuân thủ thì quy định như thế nào?

Nếu một phần của sản phẩm liên quan không tuân thủ thì **phần không tuân thủ đó cần phải được xác định và phân tách ra khỏi phần còn lại của sản phẩm** trước khi sản phẩm được đưa vào thị

trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh, và phần không tuân thủ đó không được đưa vào thị trường Liên minh và cũng không được xuất khẩu từ Liên minh.

Nếu việc xác định và phân tách không thể thực hiện được, ví dụ do các sản phẩm không tuân thủ đã được trộn lẫn với phần còn lại, thì toàn bộ sản phẩm là không tuân thủ bởi vì không đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này và vì thế sản phẩm đó không được đưa vào thị trường Liên minh và cũng không được xuất khẩu từ Liên minh.

Ví dụ, khi nhiều hàng hóa đã được trộn lẫn và gắn với vài trăm lô đất, nếu một trong những lô đất đó có rừng bị phá thì sẽ khiến toàn bộ sản phẩm liên quan là không tuân thủ.

Trường hợp này không ảnh hưởng đến các trường hợp khác, dù được xác định thế nào, khi mà 100% hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh 1) có thể truy xuất nguồn gốc tới lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng, 2) là hợp pháp và không gây mất rừng hay suy thoái rừng theo định nghĩa của Quy định này, và 3) không bị trộn lẫn với hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc hàng hóa không phải là hàng hóa không gây phá rừng.

1.6. Đất không phải là bất động sản thì được quy định như thế nào?

Đất công cộng hoặc đất cộng đồng mà không thuộc khái niệm "tài sản bất động sản" thì được quy định thế nào?

Quy định này yêu cầu rằng hàng hóa được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh phải được nuôi, trồng hoặc được khai thác trên đất được xác định là lô đất theo định nghĩa trong Quy định này. Việc không có đăng ký đất đai hoặc quyền sở hữu chính thức không ngăn cản việc xác định đất trên thực tế là lô đất theo định nghĩa trong Quy định này (xem bên dưới).

1.7. Diện tích lô đất (tính theo héc-ta) mà một đa giác có thể bao phủ là bao nhiêu? (MỚI)

Quy định này không quy định một ngưỡng cố định nào về diện tích tối thiểu hoặc tối đa của lô đất, miễn là lô đất đó bao phủ chính xác diện tích sản xuất và có đủ các điều kiện đồng nhất cho phép đánh giá mức độ tổng hợp của rủi ro mất rừng và suy thoái rừng liên quan đến các hàng hóa, sản phẩm được nuôi, trồng, sản xuất trên lô đất đó. Liên quan đến tọa độ địa lý đối với các lô đất có diện tích dưới 4 héc-ta, xem thêm Câu hỏi 1.1.

Không có giới hạn về diện tích của đa giác có thể được nhập vào Hệ thống thông tin, tuy nhiên, tổng kích thước của tập tin tài liệu tuyên bố TNGT không được vượt quá 25Mb.

1.8. Trong mọi trường hợp, việc xác định vị trí địa lý có cần phải sử dụng đa giác không? (MỚI)

Không. Đối với các lô đất có diện tích dưới 4 héc-ta, vị trí địa lý chỉ cần được mô tả bằng một điểm vĩ độ và kinh độ. Trường hợp chăn nuôi gia súc, không cần thể hiện bằng đa giác mà chỉ cần thể hiện các điểm vị trí địa lý duy nhất, đặc biệt là đối với tất cả các 'cơ sở' (theo nghĩa tại Điều 2(29) của Quy định này) chăn nuôi gia súc.

1.9. Các đa giác dưới định dạng kỹ thuật số được khai báo như thế nào? (MỚI)

Các quy tắc chi tiết về cơ chế hoạt động của Hệ thống Thông tin sẽ được xây dựng thông qua một quy định hướng dẫn thực thi. Các bên liên quan sẽ được thông báo và tham vấn về quá trình xây

dựng này thông qua Diễn đàn đa bên về bảo vệ và phục hồi rừng trên thế giới. Các thông tin liên quan cũng sẽ được công bố trên trang web của Ủy ban châu Âu.

Hệ thống thông tin sẽ có thể hỗ trợ công việc của các cá nhân, tổ chức bằng cách **cho phép đăng tải trực tiếp vào Hệ thống một số định dạng vị trí địa lý kỹ thuật số được sử dụng rộng rãi khi khai báo các đa giác trong tuyên bố TNGT**. Hiện tại, Hệ thống thông tin hỗ trợ định dạng tệp GeoJSON và WGS-84, với phép chiếu EPSG-4326. Hệ thống thông tin sẽ được nâng cấp theo thời gian, dựa trên phản hồi từ người dùng.

1.10. Nếu không có sổ đăng ký tài sản hoặc không có giấy chứng nhận quyền sở hữu thì quy định như thế nào?

Làm thế nào các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải DNNVV có thể có được dữ liệu vị trí địa lý ở các quốc gia không quy định sổ đăng ký tài sản và ở những nơi mà, ví dụ như, nông dân không có giấy tờ tùy thân hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với đất đai của họ?

Nông dân có thể thu thập thông tin vị trí địa lý về các lô đất của mình dù không có sổ đăng ký tài sản hoặc không có giấy chứng nhận quyền sở hữu đất. Nếu nông dân là nhà cung cấp trực tiếp cho các cá nhân, tổ chức hoặc bản thân họ là cá nhân, tổ chức thì không yêu cầu thông tin cá nhân mà chỉ cần vị trí địa lý của lô đất canh tác của họ, ví dụ thông qua ứng dụng điện thoại di động.

Liên quan đến yêu cầu về tính hợp pháp, Quy định này yêu cầu tuân thủ pháp luật quốc gia. Nếu nông dân được phép canh tác và bán sản phẩm của họ một cách hợp pháp theo quy định pháp luật quốc gia (dù có thể không có sổ đăng ký tài sản và ở một số nơi, nông dân có thể không có giấy tờ tùy thân), thì điều đó cũng có nghĩa là các cá nhân, tổ chức (đơn vị thương mại không phải DNNVV) nhìn chung có thể đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp khi mua hàng từ những nông dân đó. Tuy nhiên, các cá nhân, tổ chức (hoặc đơn vị thương mại không phải DNNVV) sẽ cần phải xác minh rằng không có rủi ro bất hợp pháp trong chuỗi cung ứng của họ.

Hiện nay, các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) đang sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để thu thập thông tin vị trí địa lý và thông tin về tính hợp pháp: một số lập bản đồ trực tiếp các nhà cung cấp, trong khi một số khác dựa vào các trung gian như hợp tác xã, tổ chức chứng nhận, hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia hoặc các công ty khác. Các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) chịu trách nhiệm pháp lý trong việc đảm bảo rằng thông tin vị trí địa lý và thông tin về tính hợp pháp là chính xác, bất kể sử dụng phương pháp hoặc trung gian nào để thu thập các thông tin đó.

1.11. Một cá nhân, tổ chức có thể sử dụng thông tin vị trí địa lý của nhà sản xuất không?

Có, nhưng cá nhân, tổ chức chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với tính chính xác của thông tin vị trí địa lý chứ không phải nhà sản xuất cung cấp thông tin đó. Quy định này không áp dụng cho các nhà sản xuất nhỏ (các hộ tiểu điền) không tự đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh (và do đó không thuộc định nghĩa về cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại theo Quy định này).

Trong trường hợp như vậy, cá nhân, tổ chức sẽ phải đảm bảo rằng khu vực nơi hàng hóa được nuôi, trồng phải được lập bản đồ một cách chính xác và thông tin vị trí địa lý trùng khớp với lô đất. Trong số các thủ tục và biện pháp đánh giá rủi ro mà cá nhân, tổ chức có thể sử dụng thì có các

biện pháp hỗ trợ cho các nhà cung cấp để đáp ứng các yêu cầu của Quy định này, nhất là hỗ trợ cho các hộ tiểu điền, thông qua xây dựng năng lực và các khoản đầu tư khác.

1.12. Các cá nhân, tổ chức có nên xác minh vị trí địa lý không?

Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại không phải DNNVV **không cần phải xác minh và chứng minh rằng thông tin vị trí địa lý là chính xác.**

Đảm bảo tính trung thực và chính xác của thông tin vị trí địa lý là một khía cạnh quan trọng trong việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại.

Cung cấp thông tin vị trí địa lý không chính xác là vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức (và đơn vị thương mại không phải DNNVV) theo Quy định này.

1.13. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình có cần được lặp lại cho mọi sản phẩm từ cùng lô đất không?

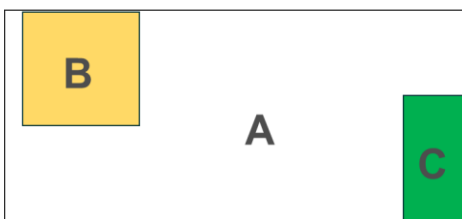
Nghĩa vụ cung cấp thông tin vị trí địa lý trong các tuyên bố TNGT, thông qua Hệ thống thông tin, được gắn với các hàng hóa và sản phẩm cụ thể. Do đó, các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) sẽ cần **phải cung cấp thông tin này mỗi khi** họ có ý định đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh, hoặc xuất khẩu từ Liên minh một sản phẩm liên quan. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình phải được lặp lại (tức là cập nhật) cho mỗi sản phẩm liên quan, bao gồm cung cấp tọa độ địa lý gắn với sản phẩm tương ứng.

1.14. Một đa giác có thể bao trùm nhiều lô đất không?

Các đa giác sẽ được sử dụng để mô tả chu vi của các lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng. **Mỗi đa giác nên mô tả một lô đất duy nhất, cho dù liền kề hay không.** Nếu một sản phẩm liên quan được sản xuất từ các hàng hóa đến từ một vài lô đất thì các đa giác mô tả các lô đất phải được cung cấp trong tuyên bố TNGT. Không thể sử dụng một đa giác để xác định chu vi của một khu đất ngẫu nhiên mà các lô đất chỉ chiếm một phần của đa giác đó.

1.15. Một hàng hóa liên quan được nuôi, trồng trên một lô đất trong một bất động sản duy nhất, nhưng bao gồm cả những lô đất khác thì được quy định thế nào? (MỚI)

Trường hợp này có thể được minh họa bằng hình sau.



A à Bất động sản duy nhất

B à Nơi hàng hóa liên quan được nuôi, trồng (ví dụ như đậu nành)

C à Khu vực bị mất rừng

i) Nếu hàng hóa liên quan (trong ví dụ này là đậu nành) được nuôi, trồng tại khu vực B thì cần cung cấp vị trí địa lý như thế nào?

Dựa trên định nghĩa về lô đất (“đất trong một bất động sản duy nhất”), cá nhân, tổ chức chỉ cung cấp vị trí địa lý của lô đất nơi hàng hóa liên quan được nuôi, trồng (trong ví dụ này là khu vực B).

ii) Nếu tình trạng mất rừng tại khu vực C được coi là hợp pháp và xảy ra sau thời điểm 31/12/2020 thì sao?

- Nếu không có hàng hóa liên quan được nuôi, trồng tại khu vực C thì tình trạng mất rừng tại khu vực C không ảnh hưởng tới sự tuân thủ của đậu nành được trồng tại khu vực B
- Nếu một hàng hóa liên quan khác (ví dụ như gia súc) được nuôi tại khu vực C thì gia súc đó không được coi là tuân thủ (gây mất rừng), tuy nhiên về nguyên tắc, đậu nành được trồng tại khu vực B vẫn được coi là tuân thủ
- Nếu cùng một hàng hóa được nuôi, trồng tại khu vực B và C (trong ví dụ này là đậu nành) thì cá nhân, tổ chức sẽ phải đạt được mức rủi ro không đáng kể, đặc biệt là tính đến rủi ro cao khi trộn lẫn hàng hóa trong một bất động sản duy nhất (theo quy định tại Điều 10(2)(j) của Quy định này)

iii) Nếu tình trạng pháp lý của bất động sản A bị ảnh hưởng bởi các hành vi bất hợp pháp theo nghĩa của Quy định này (ví dụ, nếu có tình trạng mất rừng bất hợp pháp tại khu vực C) thì sao? Trong trường hợp này, đậu nành được trồng tại khu vực B có bị ảnh hưởng không?

Đậu nành được trồng tại khu vực B được coi là không hợp pháp và do đó được coi là không tuân thủ, khi đó tình trạng pháp lý của khu vực mà hàng hóa được nuôi, trồng (không phải lô đất mà là toàn bộ tài sản, theo quy định tại Điều 2(40) của Quy định này), được coi là không tuân thủ quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất.

1.16. Có thể cung cấp đường tròn thay cho các đa giác không?

Không có nghĩa vụ cũng không có khả năng cung cấp thông tin về lô đất bằng đường tròn. **Đối với các lô đất có diện tích trên 4 héc-ta** (đối với nuôi, trồng các hàng hóa liên quan không phải gia súc), thì thông tin địa lý phải được cung cấp dưới dạng các đa giác (không phải dưới dạng hình tròn với tâm điểm ở trung tâm lô đất) gồm đầy đủ các điểm kinh độ và vĩ độ để mô tả chu vi của mỗi lô đất.

1.17. Nơi nuôi, trồng của các hàng hóa bị trộn lẫn với nhau được khai báo như thế nào? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức cần khai báo nơi nuôi, trồng của tất cả hàng hóa được vận chuyển hợp pháp vào Liên minh.

Ví dụ, nếu hàng hóa tuân thủ đến từ nhiều nguồn và được trộn lẫn với nhau trong cùng một bồn chứa (silo), ngăn chứa, kho dự trữ, bể chứa v.v. và sau đó một phần hàng hóa đó được đưa vào thị trường Liên minh:

- Nơi nuôi, trồng hàng hóa được khai báo phải **bao gồm nơi nuôi, trồng của tất cả hàng hóa đã được đưa vào bồn chứa (silo) kể từ lần gần nhất bồn chứa đó trống không** (và do đó hàng hóa có thể được đưa vào trong lô hàng nhập khẩu vào Liên minh)
- Nếu bồn chứa (silo) không được làm trống thường xuyên cá nhân, tổ chức cần khai báo địa điểm nuôi, trồng của tất cả hàng hóa được đưa vào bồn chứa (silo) trong một khoảng thời gian để đảm bảo không trộn lẫn với hàng hóa có nguồn gốc (nơi nuôi, trồng) không rõ ràng. Ví dụ, khi xuất ra một phần hàng hóa từ bồn chứa (silo), có thể thực hiện việc khai báo an toàn bằng cách cung cấp vị trí địa lý của tất cả các hàng hóa đã được đưa vào bồn chứa (silo) trước đó với mức tối thiểu là 200% sức chứa của bồn chứa (silo) đó, với điều

kiện là bồn chứa (silo) hoạt động theo cơ chế nhập trước, xuất trước. Phương pháp này áp dụng đối với các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được lưu trữ trong các ngăn chứa, thùng chứa v.v. và các quá trình xử lý liên tục.

- Việc khai báo nơi nuôi, trồng của một lượng X hàng hóa đã được đưa vào bồn chứa (silo), trong đó X là lượng hàng hóa dự kiến đưa vào thị trường Liên minh là **không được phép** theo Quy định này, do điều này vi phạm quy định cấm đưa các sản phẩm không rõ nguồn gốc vào thị trường Liên minh.

Điều này không ảnh hưởng tới các điều khoản chuyển tiếp được nêu trong Mục 9.

1.18. Trong những trường hợp nào thì các cá nhân, tổ chức có thể khai báo trong một tuyên bố TNGT nhiều lô đất hơn so với những lô đất thực sự liên quan đến việc nuôi, trồng một hàng hóa cụ thể được đưa vào thị trường Liên minh? ‘Khai báo vượt mức’ được quy định như thế nào? (MỚI)

Trọng tâm của Quy định này yêu cầu đảm bảo sự tương ứng giữa các hàng hóa/sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh và các lô đất nơi hàng hóa/sản phẩm được nuôi, trồng, sản xuất (do đó, Quy định này được xây dựng trên nguyên tắc truy xuất nguồn gốc nghiêm ngặt, yêu cầu các cá nhân, tổ chức phải thu thập tọa độ địa lý chính xác tương ứng của các lô đất liên quan). Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể, cá nhân, tổ chức có thể khai báo tọa độ địa lý của số lô đất vượt mức tức là nhiều hơn các lô đất nơi hàng hóa/sản phẩm được nuôi, trồng, sản xuất.

Các cá nhân, tổ chức chỉ có thể khai báo số lô đất ‘vượt mức’ trong các trường hợp hàng hóa có số lượng lớn được truy xuất nguồn gốc hoàn toàn đến lô đất và không bị trộn lẫn với hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc được coi là không tuân thủ. Khi hàng hóa số lượng lớn đó bị trộn lẫn trong quá trình sản xuất hoặc logistics, ví dụ như trong các bồn chứa (silo) để trong kho, trên tàu để vận chuyển hoặc trong quá trình sản xuất tại các nhà máy, cá nhân, tổ chức có thể khai báo vượt mức nếu và chỉ khi một phần của toàn bộ hàng hóa được đưa ra thị trường. Các cá nhân, tổ chức phải thu thập dữ liệu truy xuất nguồn gốc càng chi tiết càng tốt.

Nếu cá nhân, tổ chức khai báo số lô đất ‘vượt mức’ trong tuyên bố TNGT thì cá nhân, tổ chức đó phải chịu toàn bộ trách nhiệm về sự tuân thủ của tất cả các lô đất được khai báo vị trí địa lý, bất kể các lô đất đó có liên quan đến việc sản xuất hàng hóa/sản phẩm cuối cùng được đưa ra thị trường hay không. Nếu một lô đất ‘đã được khai báo vị trí địa lý’ trong tuyên bố TNGT được coi là không tuân thủ, thì toàn bộ các lô đất ‘đã được khai báo vị trí địa lý’ được coi là không tuân thủ.

Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức khai báo số lô đất ‘vượt mức’ sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ để tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định này, đối với tất cả các lô đất đã khai báo (bao gồm cả những lô đất được khai báo vượt mức) và phải cung cấp bằng chứng rằng 1) rủi ro không tuân thủ (liên quan đến yêu cầu không phá rừng và yêu cầu về tính hợp pháp) đã được đánh giá theo Điều 10(2) của Quy định này đối với tất cả các lô đất, 2) rằng, trong quá trình đánh giá đó, cá nhân, tổ chức đã đặc biệt cân nhắc tới các tiêu chí (i) và (j) tại Điều 10 của Quy định này, và 3) rằng rủi ro không tuân thủ là không đáng kể đối với tất cả các lô đất. Cụ thể hơn, cá nhân, tổ chức phải xem xét rủi ro khó liên kết các sản phẩm liên quan với lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng, theo quy định tại Điều 10(2)(i) của Quy định này, và rủi ro không tuân thủ Quy định này hoặc rủi ro trộn lẫn các sản phẩm liên quan không rõ nguồn gốc là không đáng kể, theo quy định tại Điều 10(2)(j) của Quy định này.

Trước khi đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh, hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh, cá nhân, tổ chức phải giảm thiểu những rủi ro này xuống mức không đáng kể.

Ngoài những trường hợp nêu trên, các hoạt động truy xuất nguồn gốc nhằm khai báo vượt mức số lô đất (ví dụ, trên một khu vực hoặc trên toàn quốc) nhìn chung không phù hợp với các quy tắc của Quy định này. Các hoạt động truy xuất nguồn gốc như vậy sẽ không đảm bảo việc các cá nhân, tổ chức tuân thủ các nghĩa vụ cốt lõi trong thực hiện trách nhiệm giải trình, cụ thể là giảm thiểu rủi ro vi phạm Quy định này (tức là không thể thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của Quy định này trên toàn quốc). Thực hành đó cũng sẽ cản trở công việc của các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh, gây khó khăn (hoặc thậm chí là không thể) cho việc tuân thủ các nghĩa vụ về kiểm tra theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

1.19. Thông tin vị trí sẽ được sử dụng để kiểm tra các tuyên bố không mất rừng như thế nào?

Thông tin vị trí địa lý sẽ được sử dụng để kiểm tra các tuyên bố không mất rừng như thế nào? Thông tin vị trí địa lý có khớp với bản đồ định vị vệ tinh và bản đồ mất rừng không? Sẽ có các bản đồ cơ sở về diện tích rừng hoặc diện tích mất rừng và suy thoái rừng không? Nếu vị trí địa lý của các trang trại, đồn điền hoặc khu vực được phép khai thác không có sẵn thì quy định như thế nào?

Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) là thu thập tọa độ vị trí địa lý của các lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng. Nếu cá nhân, tổ chức không thể thu thập vị trí địa lý của tất cả các lô đất liên quan đến sản xuất một sản phẩm thì theo quy định tại Điều 3 của Quy định này, cá nhân, tổ chức đó sẽ không thể đưa sản phẩm đó vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh.

Các cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải DNNVV) và các cơ quan thực thi có thể kiểm tra chéo các tọa độ vị trí địa lý với hình ảnh vệ tinh hoặc bản đồ che phủ rừng để đánh giá xem các sản phẩm có đáp ứng yêu cầu không mất rừng của Quy định này hay không. Tuy nhiên, các cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải DNNVV) vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý.

1.20. Liên minh sẽ kiểm tra các tuyên bố không mất rừng như thế nào?

Các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh sẽ kiểm tra để xác minh rằng các hàng hóa và sản phẩm liên quan đã được đưa vào, hoặc dự kiến được đưa vào thị trường Liên minh, hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh, hoặc được xuất khẩu từ Liên minh đến từ các lô đất không gây phá rừng; và các hàng hóa và sản phẩm được sản xuất hợp pháp (theo quy định tại Điều 16). Việc kiểm tra này bao gồm kiểm tra tính hợp lệ của các tuyên bố TNGT và kiểm tra tính tuân thủ nói chung của các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại theo các quy định của Quy định này.

Xem Điều 18 và 19 của Quy định này để biết thêm thông tin về phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh.

1.21. Cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh sẽ thực hiện những biện pháp kiểm tra nào đối với các nước thứ ba trong trường hợp một sản phẩm được coi là có khả năng không tuân thủ Quy định này? (MỚI)

Các cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành kiểm tra thực địa tại các nước thứ ba theo Điều 18(2)(e) của Quy định này, với sự đồng ý của các nước đó, thông qua hợp tác với các cơ quan hành chính của các nước này.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng Quy định này không yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh phải tham vấn các nước sản xuất nếu một sản phẩm được đánh giá là ‘có khả năng không tuân thủ’ hoặc ‘không tuân thủ’.

1.22. Các cơ quan có thẩm quyền có sử dụng các định nghĩa trong Quy định này không?

Khi thực thi Quy định này, các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh **sẽ sử dụng các định nghĩa được quy định tại Điều 2 của Quy định này**. Đây là một quy định có tính ràng buộc pháp lý trong Liên minh. Do đó, Quy định này phải được áp dụng một cách hài hòa trong toàn bộ 27 nước thành viên của Liên minh.

1.23. Truy xuất nguồn gốc chuỗi cung là gì?

Các thông tin, tài liệu và dữ liệu mà các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải DNNVV cần thu thập và lưu giữ trong thời hạn 5 năm để chứng minh việc tuân thủ Quy định này được quy định tại Điều 9 và Phụ lục II cũng như tại Điều 2 (28) về dữ liệu liên quan đến vị trí địa lý.

Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại trong giai đoạn sau của chuỗi cung có thể căn cứ vào thông tin đã nhận được để thực hiện trách nhiệm giải trình. Nếu một cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại khác trong giai đoạn trước của chuỗi cung ứng đã thực hiện trách nhiệm giải trình thì không có nghĩa là các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại trong giai đoạn sau của chuỗi cung ứng được miễn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải DNNVV phải đảm bảo rằng thông tin về truy xuất nguồn gốc mà họ cung cấp cho các cơ quan thực thi pháp luật ở các nước thành viên Liên minh trong các tuyên bố TNGT đã được nộp vào Hệ thống thông tin là chính xác. Sự phát triển và hoạt động của Hệ thống thông tin sẽ phù hợp với các quy định về bảo vệ dữ liệu có liên quan. Ngoài ra, **Hệ thống thông tin sẽ được trang bị các biện pháp bảo mật nhằm đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật của thông tin được chia sẻ**.

1.24. Việc truy xuất nguồn gốc sẽ được thực hiện như thế nào đối với các sản phẩm từ nhiều quốc gia?

Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải DNNVV phải đảm bảo rằng thông tin cần thiết về truy xuất nguồn gốc mà họ cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền ở các nước thành viên Liên minh là chính xác, **bất kể độ dài hay độ phức tạp của chuỗi cung ứng của họ**.

Thông tin truy xuất nguồn gốc có thể được bổ sung trong suốt chuỗi cung ứng. Ví dụ, một lô hàng đậu nành có số lượng lớn, có nguồn gốc từ hàng trăm lô đất và từ một số quốc gia sẽ cần phải có một tuyên bố TNGT bao gồm thông tin tất cả các quốc gia sản xuất có liên quan và thông tin vị trí địa lý của từng lô đất từ tất cả các quốc gia liên quan đến sản xuất ra hàng hóa có trong lô hàng này.

1.25. ‘Ngày hoặc khoảng thời gian sản xuất’ là gì? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức (và đơn vị thương mại không phải DNNVV) phải thu thập thông tin về ngày hoặc khoảng thời gian sản xuất theo các nghĩa vụ được quy định tại Điều 9 của Quy định này. Thông tin này là cần thiết để xác định xem sản phẩm liên quan có gây mất rừng hay không. Vì vậy, điều khoản này áp dụng cho các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm hàng hóa được đưa vào thị trường Liên minh, hoặc hàng hóa được sử dụng để sản xuất các sản phẩm liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Đối với các hàng hóa không phải gia súc, ngày sản xuất đề cập đến **ngày khai thác**, và khoảng thời gian sản xuất đề cập đến **khoảng thời gian diễn ra quá trình sản xuất** (ví dụ, với gỗ, thì “khoảng thời gian sản xuất” là khoảng thời gian thực hiện khai thác). Ngày và khoảng thời gian sản xuất đều phải liên quan đến các lô đất được chỉ định.

Nếu không thể có thông tin chính xác hơn do đặc thù sản xuất, có thể sử dụng niên vụ và/hoặc mùa vụ.

Đối với các sản phẩm liên quan trong danh mục hàng hóa ‘gia súc’, khoảng thời gian sản xuất đề cập đến tuổi đời của gia súc từ thời điểm được sinh ra cho đến thời điểm giết mổ. Nếu gia súc sống (mã HS 0102 21, 0102 29) được đưa vào thị trường Liên minh (ví dụ: bằng cách nhập khẩu hoặc lần bán đầu tiên kể từ khi gia súc được sinh ra tại Liên minh), tất cả các vị trí địa lý tính đến lần đầu tiên gia súc được đưa vào thị trường Liên minh đều phải được thu thập và nộp cùng với tuyên bố TNGT. Nếu gia súc sống sau đó được cung cấp trên thị trường Liên minh, các đơn vị thương mại không phải DNNVV phải có nghĩa vụ thu thập và bổ sung tất cả vị trí địa lý của các cơ sở nơi gia súc được nuôi kể từ sau lần đầu tiên được đưa vào thị trường Liên minh (xem Điều 9(1)(d) của Quy định này).

Tuy nhiên, các đơn vị thương mại là DNNVV không phải bổ sung vị trí địa lý hoặc nộp tuyên bố TNGT mới, mà chỉ phải lưu giữ trong vòng ít nhất 5 năm thông tin về các sản phẩm liên quan mà họ dự định đưa vào thị trường Liên minh, theo quy định tại Điều 5(3) và 5(4) của Quy định này.

Lưu ý: Theo Điều 1(2) của Quy định này và dựa trên định nghĩa về “được sản xuất” tại Điều 2(14), Quy định này không áp dụng đối với gia súc và các sản phẩm có nguồn gốc từ gia súc nếu gia súc được sinh ra trước khi Quy định có hiệu lực, tức là trước ngày 29/6/2023.

1.26. Truy xuất nguồn gốc gia súc được thực hiện như thế nào?

Cung cấp vị trí địa lý nơi con non được sinh ra thì đã đủ thông tin chưa? Một số gia súc có thể được chuyển đến một hoặc nhiều địa điểm trước khi bị giết mổ.

Các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) đưa vào thị trường Liên minh các sản phẩm gia súc phải định vị vị trí địa lý tất cả các cơ sở liên quan đến chăn nuôi gia súc, bao gồm nơi sinh, trang trại nuôi nhốt, vùng đất chăn thả, và lò mổ.

1.27. Nếu các nhà cung cấp đầu chuỗi cung ứng không cung cấp thông tin theo yêu cầu thì sao?

Nếu một cá nhân, tổ chức (hoặc đơn vị thương mại không phải DNNVV) đưa hàng hóa vào thị trường Liên minh không thể có được thông tin theo yêu cầu của Quy định này từ các nhà cung cấp đầu chuỗi cung ứng thì cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại đó không được đưa các sản phẩm

liên quan vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh vì nếu không sẽ dẫn đến vi phạm Quy định này, và có thể dẫn đến các biện pháp xử phạt.

1.28. Có cần cung cấp tọa độ địa lý của các lô đất ở các quốc gia rủi ro thấp không?

Không có **ngoại lệ** đối với yêu cầu truy xuất nguồn gốc thông qua vị trí địa lý. Các cá nhân, tổ chức cũng phải đánh giá sự phức tạp của chuỗi cung ứng liên quan và nguy cơ vi phạm Quy định này; cũng như nguy cơ trộn lẫn với các sản phẩm không rõ nguồn gốc, hoặc với sản phẩm có xuất xứ ở quốc gia hoặc các vùng của quốc gia có rủi ro cao, hoặc rủi ro tiêu chuẩn (Điều 13). Nếu cá nhân, tổ chức thu thập được, hoặc biết được bất kỳ thông tin liên quan nào có thể chỉ ra nguy cơ rằng các sản phẩm liên quan không tuân thủ Quy định này, hoặc vi phạm Quy định này thì cá nhân, tổ chức đó phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 và phải thông báo ngay mọi thông tin liên quan cho cơ quan có thẩm quyền.

1.29. Yêu cầu về tính hợp pháp có áp dụng đối với đất không bị mất rừng không?

Các hàng hóa và sản phẩm liên quan không được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh nếu không được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất như được quy định tại Điều 3 (b) của Quy định này.

Các điều kiện được quy định tại Điều 3 phải được đáp ứng đồng thời: **yêu cầu về tính hợp pháp (Điều 3(b)) phải được đáp ứng bên cạnh yêu cầu về “không phá rừng”** (Điều 3(a)) và yêu cầu về việc các hàng hóa hoặc sản phẩm phải được khai báo trong tuyên bố TNGT (Điều 3(c)).

1.30. Có các nghĩa vụ đối với các nước không phải là thành viên của Liên minh không?

Không có nghĩa vụ pháp lý áp dụng với các nước không phải là thành viên của Liên minh. Quy định này đặt ra nghĩa vụ cho các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại (xem Chương 2 của Quy định này) cũng như các nước thành viên Liên minh và các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh (xem Chương 3 của Quy định này).

Tuy nhiên, nhiều nước trên thế giới đã có hành động nhằm tăng cường các chuỗi cung ứng không gây phá rừng, tăng cường các hệ thống truy xuất công đối với các hàng hóa liên quan, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty/doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm theo Quy định này. Điều này rất đáng hoan nghênh, bởi lẽ những hành động như vậy có thể hỗ trợ rất nhiều cho các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình.

1.31. Các cá nhân, tổ chức có thể chia sẻ dữ liệu về vị trí địa lý như thế nào trong trường hợp một số chính phủ cấm chia sẻ loại dữ liệu này? (MỚI)

Một trong những yêu cầu cốt lõi của Quy định này đối với các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại là phải thu thập thông tin vị trí địa lý của (các) lô đất nơi nuôi, trồng, sản xuất các hàng hóa và sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh (theo quy định tại Điều 9(1)(d) của Quy định này). Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại không thể dựa vào quy định pháp luật hiện hành của quốc gia mà trong đó cấm chia sẻ dữ liệu (công khai) đó với các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại để được miễn trừ nghĩa vụ thu thập và tải dữ liệu đó lên Hệ thống thông tin. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin vị trí địa lý; nếu không, các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại sẽ bị coi là không tuân thủ các yêu cầu về trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của Quy định này, và do đó sẽ không thể đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan.

2. PHẠM VI

2.1. Những sản phẩm nào được đưa vào Quy định này?

Quy định này chỉ áp dụng cho các sản phẩm được quy định tại Phụ lục I. Các sản phẩm không được quy định trong Phụ lục I thì không phải tuân theo các yêu cầu của Quy định này mặc dù sản phẩm đó có chứa các hàng hóa liên quan trong phạm vi của Quy định này. Ví dụ, xà phòng sẽ không bị điều chỉnh bởi Quy định này mặc dù có chứa dầu cọ.

Tương tự như vậy, các sản phẩm có mã HS không được quy định tại Phụ lục I, nhưng có thể bao gồm các thành phần hoặc các yếu tố có nguồn gốc từ hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này - chẳng hạn như ô tô có ghế bằng da hoặc lớp cao su tự nhiên - không phải tuân theo các yêu cầu của Quy định này.

Chú ý: Quy định này dự kiến rằng danh sách các sản phẩm liên quan và mô tả sản phẩm có thể được Ủy ban châu Âu ủy quyền sửa đổi. Ngoài ra, Ủy ban châu Âu sẽ đánh giá sự cần thiết và tính khả thi của việc đưa ra một đề xuất mở rộng phạm vi của Quy định này sang các mặt hàng khác lên Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu. Đề xuất này dựa trên đánh giá tác động của các mặt hàng liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng. Đánh giá lần đầu tiên về phạm vi hàng hóa sẽ được thực hiện trong vòng hai năm kể từ khi Quy định này có hiệu lực.

2.2. Các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh nhưng không chứa hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh thì được quy định như thế nào?

| | ... được làm từ hàng hóa được quy định tại Phụ lục I | ... <u>không</u> được làm từ hàng hóa được quy định tại Phụ lục I |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Sản phẩm có liên quan được quy định tại Phụ lục I... | Tuân theo Quy định này | <u>Không</u> tuân theo Quy định này |
| Sản phẩm khác không được quy định tại Phụ lục I... | <u>Không</u> tuân theo Quy định này | <u>Không</u> tuân theo Quy định này |

Các sản phẩm được quy định tại Phụ lục I mà không chứa, hoặc không được làm từ hàng hóa được quy định tại Phụ lục I thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Tiền tố "ex" trước mã HS của sản phẩm được quy định tại Phụ lục I có nghĩa là sản phẩm được miêu tả trong phụ lục được "chiết xuất" từ các sản phẩm có thể được phân loại theo mã HS. Ví dụ, mã 9401 có thể bao gồm ghế làm bằng nguyên liệu thô không phải gỗ, nhưng chỉ ghế gỗ mới phải tuân theo các yêu cầu của Quy định này.

2.3. Quy định này có áp dụng bất kể số lượng hoặc giá trị không?

Không có ngưỡng số lượng và giá trị đối với một hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan, kể cả trong các sản phẩm đã qua chế biến, mà dưới ngưỡng đó thì Quy định này sẽ không được áp dụng. Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh một sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I, bất kể số lượng bao nhiêu, đều phải tuân theo Quy định này.

2.4. Các sản phẩm được sản xuất tại Liên minh được quy định như thế nào?

Các sản phẩm được sản xuất tại Liên minh **phải tuân theo các yêu cầu tương tự như các sản phẩm được sản xuất bên ngoài Liên minh.** Quy định này áp dụng cho các sản phẩm được quy định tại Phụ lục I, cho dù các sản phẩm này được sản xuất tại Liên minh hay được nhập khẩu vào Liên minh.

Ví dụ, nếu một công ty tại Liên minh sản xuất sô-cô-la (mã 1806, được quy định tại Phụ lục I), thì công ty này sẽ được coi là tổ chức phải tuân theo các nghĩa vụ của Quy định này, ngay cả khi bột ca cao được sử dụng trong sô-cô-la đã được đưa vào thị trường Liên minh và đã đáp ứng các yêu cầu về trách nhiệm giải trình (xem thêm Câu hỏi số 38 về các cá nhân, tổ chức trong chuỗi cung ứng).

2.5. Gỗ sử dụng để đóng gói được quy định như thế nào?

Ví dụ, trong trường hợp một nhà sản xuất bán bao bì đóng gói cho các nhà máy chế biến (để bảo vệ sản phẩm hoàn chỉnh - không được bán như một sản phẩm hoàn chỉnh cho người tiêu dùng), thì phần lời văn **tại Phụ lục I về mã HS 4415 “không bao gồm vật liệu đóng gói chỉ được sử dụng làm vật liệu đóng gói để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển sản phẩm khác vào thị trường Liên minh”** cần được hiểu như sau:

Nếu bất kỳ bao bì đóng gói có liên quan được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng một sản phẩm theo đúng nghĩa (tức là bao bì đóng gói độc lập), chứ không phải là bao bì đóng gói cho sản phẩm khác, thì bao bì đóng gói đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này và do đó yêu cầu về thực hiện trách nhiệm giải trình được áp dụng.

Nếu bao bì đóng gói, được phân loại theo mã HS 4415, được sử dụng để “hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển” sản phẩm khác, thì bao bì đóng gói đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Vật liệu đóng gói chỉ được sử dụng làm vật liệu đóng gói để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển sản phẩm khác vào thị trường Liên minh thì không phải là một sản phẩm liên quan trong phạm vi của Phụ lục I của Quy định này, bất kể thuộc mã HS nào.

Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm lô hàng cũng thuộc diện miễn trừ này trừ khi được mua dưới dạng sản phẩm riêng biệt.

2.6. Việc nhà bán lẻ trả lại bao bì đóng gói rỗng liên quan cho nhà cung cấp của mình có được coi là ‘cung cấp trên thị trường Liên minh’ không khi bao bì đóng gói liên

quan đó đã được đưa vào Liên minh dưới dạng một sản phẩm theo đúng nghĩa (tức là một bao bì đóng gói độc lập) trước khi trả lại cho nhà cung cấp? (MỚI)

Miễn là bao bì đóng gói liên quan được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng một sản phẩm độc lập theo đúng nghĩa (tức là một bao bì đóng gói được coi là một sản phẩm riêng lẻ), thay vì chỉ là bao bì đóng gói cho một sản phẩm khác, thì bao bì đóng gói đó thuộc phạm vi của Quy định này và do đó các được áp dụng các yêu cầu về thực hiện trách nhiệm giải trình (xem Câu hỏi phía trên). Điều này áp dụng khi bao bì đóng gói liên quan được sử dụng cho mục đích thương mại theo đúng nghĩa của nó.

Tuy nhiên, nếu bao bì đóng gói liên quan được sử dụng chỉ để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển một sản phẩm khác thì bao bì đóng gói đó không thuộc phạm vi của Quy định này.

2.7. Việc mua bán các sản phẩm đã qua sử dụng có liên quan trên thị trường Liên minh có nằm trong phạm vi của Quy định này không? (MỚI)

Các sản phẩm đã qua sử dụng và hết vòng đời thì sẽ bị loại bỏ như chất thải (xem Đoạn trích dẫn 40 và Phụ lục I), do đó sẽ không phải tuân theo các nghĩa vụ của Quy định này.

2.8. Tất cả giấy/bìa tái chế có thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này không?

Hầu hết các sản phẩm giấy/bìa tái chế có chứa một tỷ lệ nhỏ bột giấy nguyên chất hoặc giấy tái chế trước khi tiêu dùng (ví dụ, phế liệu bìa giấy thải ra từ quá trình sản xuất hộp các-tông) để tăng cường độ bền của sợi.

Phụ lục I nêu rõ rằng Quy định này **không áp dụng cho hàng hóa nếu chúng được sản xuất hoàn toàn từ nguyên liệu đã hết vòng đời và nếu không sẽ bị loại bỏ như chất thải** theo quy định tại Điều 3, điểm (1), của Chỉ thị 2008/98/EC. Do đó, không có nghĩa vụ nào được áp dụng theo Quy định này đối với vật liệu tái chế.

Ngược lại, **nếu sản phẩm có chứa một tỷ lệ phần trăm vật liệu không tái chế, thì sản phẩm đó phải tuân theo các yêu cầu của Quy định này** và vật liệu không tái chế sẽ cần phải được truy xuất nguồn gốc xuất xứ thông qua vị trí địa lý.

2.9. Mã CN và HS nghĩa là gì và các mã này được sử dụng như thế nào?

Danh mục hàng hóa được quy định trong Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa trong mô tả và quy tắc đánh số thứ tự hàng hoá, thường được biết đến là '**Danh pháp HS**' (**HS Nomenclature**), là một danh mục đa mục đích mang tính quốc tế được xây dựng dưới sự bảo trợ của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO). Danh mục này gồm các mã có sáu chữ số để phân loại hàng hóa và được áp dụng trên toàn thế giới. Các quốc gia/vùng lãnh thổ có thể bổ sung các chữ số vào danh mục HS sáu chữ số để phân loại chi tiết hơn.

Danh pháp kết hợp (mã CN) của Liên minh châu Âu là mã hàng hóa có 8 chữ số giúp chia nhỏ Danh mục HS toàn cầu thành các hàng hóa cụ thể hơn để đáp ứng nhu cầu của Cộng đồng Liên minh.

Mã CN là cơ sở cho việc khai báo hàng hóa nhập khẩu vào Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh, và thống kê thương mại nội khối. Các hàng hóa và sản phẩm trong Phụ lục I của Quy định này được phân loại theo mã CN của hàng hóa và sản phẩm. Các sản phẩm liên quan trong Phụ lục I của Quy định này được phân loại theo mã CN theo quy định tại Phụ lục I của Quy định của Hội đồng Liên minh (EEC) số 2658/87.

Tại cửa khẩu nhập khẩu, khi thông quan cho hàng hóa được lưu thông tự do theo quy định tại Điều 201 của Quy định về mã hải quan Liên minh (EU) số 952/2013, mã CN có thể được chia nhỏ hơn nữa thành mã TARIC có 10 chữ số được tạo riêng để đáp ứng nhu cầu của luật pháp Liên minh. Khi khai báo hàng hóa để làm thủ tục xuất khẩu theo quy định tại Điều 269 của Quy định về mã hải quan Liên minh (EU) số 952/2013, việc chia nhỏ có thể thành mã CN có 8 chữ số.

Các cá nhân, tổ chức trong chuỗi cung ứng cần phân loại sản phẩm dựa trên Phụ lục I của Quy định về mã CN cơ bản (Quy định của Hội đồng châu Âu (EEC) số 2658/87 về danh mục thuế, thống kê theo danh pháp, và Hệ thống thuế quan chung) để xác định xem Quy định này có áp dụng cho các sản phẩm của mình không. Mã HS có thể thay đổi 5 năm một lần. Quy định về mã CN của Liên minh được thông qua hàng năm để phản ánh mọi thay đổi và cập nhật.

Xem thêm thông tin: [Quy định của Hội đồng châu Âu \(EEC\) số 2658/87 ngày 23/7/1987 về danh mục thuế, thống kê theo danh pháp, và Hệ thống thuế quan chung.](#)

2.10. Việc “cung cấp” sản phẩm liên quan xảy ra khi nào, nghĩa là sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh trong quá trình hoạt động thương mại? Các công ty sử dụng các sản phẩm liên quan vào hoạt động kinh doanh của mình hoặc chế biến các sản phẩm đó thì thuộc phạm vi nào? (MỚ)

Cần có sự phân biệt giữa cá nhân/tổ chức trong chuỗi cung ứng nhập khẩu vào Liên minh hoặc đưa vào thị trường Liên minh một sản phẩm liên quan và những cá nhân/tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng:

Nếu một cá nhân/tổ chức đưa vào thị trường Liên minh **một sản phẩm liên quan được sản xuất hoặc chế biến tại Liên minh** thì cá nhân/tổ chức đó cung cấp sản phẩm đó ra thị trường Liên minh lần đầu tiên. Việc cung cấp bao gồm một thỏa thuận (bằng văn bản hoặc bằng lời nói) giữa hai hoặc nhiều pháp nhân hoặc thể nhân về việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc bất kỳ quyền sở hữu nào khác liên quan đến sản phẩm được đề cập; thỏa thuận này yêu cầu rằng sản phẩm đã qua chế biến hoặc hàng hóa, nếu được đưa vào thị trường mà không qua chế biến, đã được nuôi, trồng, sản xuất (xem Điều 2(14) của Quy định này). Hoạt động như vậy được coi là có liên quan theo Quy định này, bất kể sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường để a) chế biến, b) phân phối cho người tiêu dùng thương mại hoặc phi thương mại hay c) sử dụng trong hoạt động kinh doanh của chính cá nhân, tổ chức (xem Điều 2(19) của Quy định này). Trong trường hợp

này, công ty được coi là cá nhân, tổ chức và phải thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố TNGT theo Quy định này.

Nếu **một sản phẩm liên quan được đưa vào làm thủ tục hải quan “thông quan để lưu thông tự do”** trong quá trình hoạt động thương mại và không nhằm mục đích sử dụng hay tiêu dùng cá nhân thì sản phẩm đó được coi là có mục đích đưa ra thị trường, bất kể là “cung cấp” hay có thỏa thuận (bằng văn bản hoặc bằng lời nói) giữa hai hay nhiều pháp nhân hoặc thể nhân về việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc bất kỳ quyền sở hữu nào khác liên quan đến sản phẩm được đề cập.

Sau khi một sản phẩm đã được đưa vào thị trường, sản phẩm đó được “cung cấp” trên thị trường để phân phối, tiêu dùng hoặc sử dụng nếu có thỏa thuận giữa hai hay nhiều pháp nhân hoặc thể nhân về việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc bất kỳ quyền sở hữu nào khác liên quan đến sản phẩm được đề cập (ví dụ như thỏa thuận mua bán hoặc thỏa thuận trao tặng) sau khi sản phẩm được chế biến (hoặc được nuôi, trồng, sản xuất trong trường hợp hàng hóa). Quy định này nhìn chung không quy định nghĩa vụ đối với những cá nhân/đơn vị cung cấp dịch vụ logistics trong chuỗi cung ứng (ví dụ như đại lý vận tải/vận chuyển hoặc đại diện hải quan không phải là “cá nhân, tổ chức” hoặc “đơn vị thương mại” theo định nghĩa của Quy định này) miễn là các cá nhân/đơn vị này không đưa sản phẩm vào thị trường hoặc xuất khẩu sản phẩm.

Những tình huống này có thể được giải thích bằng một số ví dụ sau:

- 1) Công ty ô tô B mua da gia súc (là sản phẩm liên quan) từ xưởng thuộc da T tại Liên minh để làm ghế ngồi ô tô. Công ty ô tô B đưa ô tô (không phải là sản phẩm liên quan) ra thị trường bằng cách bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Theo Quy định này, công ty ô tô B không phải là cá nhân, tổ chức do ô tô mà công ty B cung cấp trên thị trường không phải là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I, và cũng không phải là đơn vị thương mại do công ty B không cung cấp da gia súc (một cách riêng lẻ) trên thị trường.
- 2) Công ty ô tô B nhập khẩu (tức là làm thủ tục hải quan “thông quan để lưu thông tự do”) da gia súc để sản xuất ô tô. Theo Quy định này, công ty ô tô B là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu da gia súc cho hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty phải thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố TNGT trước khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- 3) Nông dân D mua bột đậu nành (là sản phẩm liên quan) từ một công ty nghiền bột tại thị trường Liên minh và dùng làm thức ăn cho gia cầm (không phải là sản phẩm liên quan), sau đó nông dân này bán gia cầm đi. Theo Quy định này, nông dân D không phải là cá nhân, tổ chức khi bán gia cầm do gia cầm không phải là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I, và cũng không phải là đơn vị thương mại do nông dân D không cung cấp bột đậu nành trên thị trường. Tuy nhiên, nông dân D sẽ là cá nhân, tổ chức nếu nhập khẩu (tức là làm thủ tục hải quan “thông quan để lưu thông tự do”) bột đậu nành để dùng làm thức ăn cho gia cầm (xem ví dụ 2 ở trên).

*Trường hợp nông dân dùng các sản phẩm có liên quan đến đậu nành để làm thức ăn cho **gia súc** (là sản phẩm liên quan), xem Đoạn trích dẫn 39.*

Dưới đây là các ví dụ về các cá nhân/tổ chức **chế biến** hoặc **sử dụng** các sản phẩm liên quan trong **hoạt động kinh doanh** của mình. Các cá nhân/tổ chức này chỉ phải tuân thủ Quy định này trong trường hợp cung cấp các sản phẩm liên quan trên thị trường:

- 4) Công ty A mua bàn ghế gỗ (là sản phẩm liên quan) từ nhà bán lẻ B ở một nước thứ ba và nhập khẩu vào Liên minh (tức là làm thủ tục hải quan “thông quan để lưu thông tự do”). Bàn ghế đó sẽ được nhân viên của công ty A sử dụng trong giờ làm việc. Theo Quy định này, công ty A là cá nhân, tổ chức và phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với bàn ghế gỗ và nộp tuyên bố TNGT trước khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- 5) Công ty D mua bàn ghế gỗ (là sản phẩm liên quan) từ một tổ chức D mà tổ chức này đã nhập khẩu bàn ghế từ một nước thứ ba và đã thực hiện trách nhiệm giải trình và đã nộp tuyên bố TNGT. Bàn ghế đó sẽ được nhân viên của công ty D sử dụng trong giờ làm việc. Công ty D không phải tuân thủ Quy định này do không cung cấp bàn ghế trên thị trường.
- 6) Nông dân F tại Liên minh thu hoạch đậu nành (là sản phẩm liên quan) của mình và chế biến đậu nành thành bột đậu nành (là sản phẩm liên quan) mà bột đậu nành được nông dân F sử dụng làm thức ăn cho gia cầm tại trang trại của mình. Do nông dân F không cung cấp đậu nành và bột đậu nành ra thị trường (ví dụ như cung cấp cho một thể nhân hoặc pháp nhân khác) nên các sản phẩm này không được đưa ra thị trường và nông dân F không phải tuân thủ Quy định này.
- 7) Nông dân F tại Liên minh thu hoạch đậu nành (là sản phẩm liên quan) của mình và chế biến thành bột đậu nành (là sản phẩm liên quan) sau đó bán cho nông dân G tại Liên minh. Đối với bột đậu nành thì nông dân F là cá nhân, tổ chức do sản phẩm này được cung cấp cho nông dân G.
- 8) Công ty B tại Liên minh khai thác rừng của mình và chế biến gỗ tròn (là sản phẩm liên quan) thành dăm gỗ (là sản phẩm liên quan). Công ty này sử dụng dăm gỗ làm nhiên liệu đốt cho các trang thiết bị của công ty. Do công ty B không cung cấp gỗ tròn hay dăm gỗ ra thị trường nên các sản phẩm này không được đưa ra thị trường hoặc được cung cấp trên thị trường và công ty B không phải tuân thủ Quy định này.
- 9) Công ty C mua dăm gỗ (là sản phẩm liên quan) từ một tổ chức tại Liên minh mà tổ chức này đã thực hiện trách nhiệm giải trình và đã nộp tuyên bố TNGT. Công ty C sử dụng dăm gỗ làm nhiên liệu đốt cho các trang thiết bị của công ty. Do công ty C không cung cấp gỗ tròn hay dăm gỗ ra thị trường nên các sản phẩm này không được đưa ra thị trường hoặc được cung cấp trên thị trường và công ty C không phải tuân thủ Quy định này.
- 10) Công ty C mua dăm gỗ (là sản phẩm liên quan) từ một tổ chức tại Liên minh mà tổ chức này đã thực hiện trách nhiệm giải trình và đã nộp tuyên bố TNGT. Công ty C sử dụng dăm gỗ để sản xuất điện. Do công ty C không đưa dăm gỗ ra thị trường hoặc cung cấp dăm gỗ trên thị trường nên công ty C không phải tuân thủ Quy định này.

2.11. Khi nào thể nhân hoặc pháp nhân cần phải thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố TNGT (DDS) nếu thể nhân và pháp nhân đó chế biến sản phẩm liên quan nhiều lần trong quá trình hoạt động thương mại? (MỚI)

Trong trường hợp chế biến nội bộ nhiều lần (tức là sản phẩm liên quan X được chế biến thành sản phẩm liên quan Y, sau đó sản phẩm liên quan Y được chế biến thành sản phẩm liên quan Z bởi cùng một công ty) thì các nghĩa vụ chỉ phát sinh đối với việc đưa sản phẩm cuối cùng (sản phẩm Z) ra thị trường. Xem ví dụ sau:

Công ty C (không phải là DNNVV) mua hạt ca cao (là sản phẩm liên quan) từ cá nhân, tổ chức I tại Liên minh và chế biến thành bột ca cao (là sản phẩm liên quan), sau đó tiếp tục chế biến thành chế phẩm thực phẩm có chứa ca cao (là sản phẩm liên quan). Sau đó, công ty C đưa chế phẩm thực phẩm ra thị trường bằng cách bán cho công ty D. Trong trường hợp này, các nghĩa vụ chỉ áp dụng đối với chế phẩm thực phẩm, vì vậy công ty C cần khẳng định sự tuân thủ các yêu cầu về trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố TNGT trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Trường hợp công ty C là DNNVV thì công ty sẽ không phải thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc nộp tuyên bố TNGT đối với chế phẩm thực phẩm nếu cá nhân, tổ chức I đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với hạt ca cao có trong các sản phẩm đã qua chế biến (xem Điều 4(8) của Quy định này). Trong trường hợp này, công ty C sẽ chỉ cần lưu giữ số tham chiếu của tuyên bố TNGT cấp bởi cá nhân, tổ chức I.

2.12. Tre, nứa có thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này không? Các sản phẩm khác không chứa hoặc đã được sản xuất bằng các hàng hóa liên quan nhưng được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này thì được quy định như thế nào? (MỚI)

Các sản phẩm chỉ làm từ tre, nứa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này. Điều 1(1) quy định rằng ‘các sản phẩm liên quan’ chỉ bao gồm các sản phẩm có chứa hoặc được làm từ các hàng hóa liên quan, trong đó có ‘gỗ’. Định nghĩa tại Điều 2(2) cũng quy định rằng đối với mục đích của Quy định này thì các mã HS được liệt kê tại Phụ lục I chỉ để xác định những sản phẩm nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này. Theo ghi chú giải thích của FAO, tre, nứa là lâm sản ngoài gỗ, do đó không thuộc danh mục hàng hóa gỗ.

3. CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ LIÊN QUAN

3.1. Ai được coi là cá nhân, tổ chức?

Theo định nghĩa tại Điều 2(15) của Quy định này, cá nhân, tổ chức là thể nhân hoặc pháp nhân đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh (bao gồm thông qua nhập khẩu) hoặc xuất khẩu chúng từ thị trường Liên minh trong quá trình hoạt động thương mại.

Định nghĩa này cũng bao gồm các công ty/doanh nghiệp chuyển đổi một sản phẩm được quy định tại Phụ lục I (vốn đã là đối tượng phải thực hiện trách nhiệm giải trình) thành một sản phẩm khác được quy định tại Phụ lục I. Ví dụ: nếu công ty A, có trụ sở tại Liên minh, nhập khẩu bơ ca cao (mã HS 1804, được quy định tại Phụ lục I), và công ty B, cũng có trụ sở tại Liên minh, sử dụng bơ ca cao đó để sản xuất sô-cô-la (mã HS 1806, được quy định tại Phụ lục I) và đưa sản phẩm sô-cô-la đó ra thị trường, thì cả công ty A và B sẽ được coi là tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Các cá nhân, tổ chức đưa vào thị trường Liên minh một sản phẩm được quy định tại Phụ lục I mà chưa thực hiện trách nhiệm giải trình ở giai đoạn trước đó trong chuỗi cung ứng (ví dụ như các nhà nhập khẩu thu mua ca cao) thì, bất kể quy mô như thế nào, phải tuân theo nghĩa vụ nộp tuyên bố TNGT.

3.2. “Trong quá trình hoạt động thương mại” có nghĩa là gì?

Hoạt động thương mại được hiểu là một hoạt động xảy ra trong bối cảnh liên quan đến kinh doanh.

Các định nghĩa kết hợp về "cá nhân, tổ chức" (Điều 2(15)) và “trong quá trình hoạt động thương mại” (Điều 2(19)) ngụ ý rằng bất kỳ cá nhân, tổ chức đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh để bán (có hoặc không có sự chuyển đổi thành sản phẩm khác) hoặc để làm quà tặng, để sản xuất hoặc phân phối tới người tiêu dùng thương mại hoặc phi thương mại, hoặc để sử dụng trong hoạt động thương mại của tổ chức đó sẽ phải tuân theo các yêu cầu về thực hiện trách nhiệm giải trình và phải cung cấp tuyên bố TNGT.

3.3. “Quy định pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất” có nghĩa là gì?

Các hàng hóa và sản phẩm liên quan chỉ có thể được đưa vào thị trường Liên minh nếu các hàng hóa và sản phẩm này không gây mất rừng và tuân thủ quy định pháp luật của quốc gia sản xuất, theo quy định tại Điều 3 (b), và Điều 2 (40) của Quy định này.

“Quy định pháp luật có liên quan” có thể bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật khác như luật (và các quy định dưới luật có liên quan) và án lệ cũng như luật quốc tế được áp dụng vào luật trong nước. Quy định này đưa ra một danh sách không đầy đủ các lĩnh vực pháp luật mà không đề cập cụ thể quy định pháp luật nào, bởi có sự khác nhau giữa các quốc gia và có thể được sửa đổi.

Theo định nghĩa, quy định pháp luật như được liệt kê trong các tiểu mục từ (a) đến (h) phải được hiểu là có liên quan đến nơi sản xuất. Đối với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, ý nghĩa và mục đích quy định tại Điều 1 của Quy định này cần được xem xét. Do đó, quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ rừng, giảm phát thải khí nhà kính, hoặc bảo vệ đa dạng sinh học là quy định pháp luật có liên quan.

Các tài liệu liên quan được yêu cầu cho việc đánh giá rủi ro, theo quy định tại Điều 9 (1) (h) và Điều 10 của Quy định này. Các tài liệu liên quan có thể bao gồm, ví dụ, tài liệu chính thống của các cơ quan công quyền, thỏa thuận/hợp đồng, quyết định của tòa án, hoặc đánh giá tác động và kiểm toán đã được thực hiện. Trong mọi trường hợp, cá nhân, tổ chức phải xác minh được rằng những tài liệu này có thể kiểm chứng được và đáng tin cậy, có tính đến nguy cơ tham nhũng ở quốc gia sản xuất.

Trong thời gian tới, Ủy ban châu Âu sẽ ban hành một tài liệu hướng dẫn cụ thể về tính hợp pháp.

3.4. Nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức không là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng là gì?

Các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng là những cá nhân, tổ chức chuyển đổi một sản phẩm được quy định tại Phụ lục I (sản phẩm đã được thực hiện trách nhiệm giải trình) thành một sản phẩm khác cũng được quy định tại Phụ lục I. Nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức khác nhau tùy thuộc vào việc họ có phải là DNNVV hay không.

Khi nộp tuyên bố TNGT vào Hệ thống thông tin, các cá nhân, tổ chức không phải DNNVV ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có thể tham khảo tuyên bố TNGT đã được thực hiện trước đó bằng cách đưa số tham chiếu liên quan đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan đã được thực hiện trách nhiệm giải trình. Tuy nhiên, các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ chứng minh rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện và họ chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm Quy định này. Đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan mà chưa được thực hiện trách nhiệm giải trình thì các cá nhân, tổ chức không phải DNNVV sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ và phải nộp tuyên bố TNGT.

Các cá nhân, tổ chức là DNNVV ở cuối chuỗi cung ứng phải tuân theo các nghĩa vụ tương tự được quy định cho cá nhân, tổ chức và chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm Quy định này. Tuy nhiên, đối với các bộ phận của sản phẩm mà đã được thực hiện trách nhiệm giải trình, các cá nhân, tổ chức này a) không phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các bộ phận của sản phẩm đã được thực hiện trách nhiệm giải trình; b) không phải nộp tuyên bố TNGT vào Hệ thống thông tin. Nhưng họ vẫn phải cung cấp số tham chiếu của tuyên bố TNGT từ các giai đoạn trước đó trong chuỗi cung ứng. Đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan mà chưa được thực hiện trách nhiệm giải trình thì các cá nhân, tổ chức là DNNVV sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ và phải nộp tuyên bố TNGT.

3.5. Cá nhân, tổ chức là doanh nghiệp nhỏ và vừa ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có nghĩa vụ gì? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng là những thể nhân chuyển đổi một sản phẩm được liệt kê tại Phụ lục I (sản phẩm đã được thực hiện trách nhiệm giải trình) thành một sản phẩm khác cũng được liệt kê tại Phụ lục I, hoặc xuất khẩu một sản phẩm được liệt kê tại Phụ lục I (sản phẩm đã được thực hiện trách nhiệm giải trình).

Đối với các cá nhân, tổ chức là DNNVV ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng, mặc dù họ vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm Quy định này, nhưng đối với những bộ phận của sản phẩm mà đã được thực hiện trách nhiệm giải trình, không bắt buộc phải a) thực hiện trách nhiệm giải; b) nộp tuyên bố TNGT lên Hệ thống thông tin (theo quy định tại Điều 4(8) của Quy định này).

Tuy nhiên, cá nhân, tổ chức đó vẫn phải cung cấp số tham chiếu của tuyên bố TNGT từ các giai đoạn trước đó trong chuỗi cung ứng khi được các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Đối với những bộ phận của sản phẩm chưa được thực hiện trách nhiệm giải trình, các cá nhân, tổ chức không phải DNNVV sẽ phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình và phải nộp tuyên bố TNGT.

3.6. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại quy mô lớn ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có thể truy cập vào Hệ thống thông tin để thu thập dữ liệu về vị trí địa lý trong các tuyên bố TNGT mà các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn trước của chuỗi cung ứng đã nộp lên Hệ thống không? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn trước của chuỗi cung ứng có thể quyết định liệu các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có thể truy cập và xem thông tin vị trí địa lý trong các tuyên bố TNGT mà các cá nhân, tổ chức đã nộp lên Hệ thống thông tin thông qua các tuyên bố TNGT được tham chiếu trong Hệ thống hay không.

3.7. Nếu một cá nhân, tổ chức không có trụ sở tại Liên minh đưa một sản phẩm hoặc hàng hóa liên quan vào thị trường Liên minh thì được quy định như thế nào? Trong trường hợp nào thì cá nhân, tổ chức không có trụ sở tại Liên minh được truy cập vào Hệ thống thông tin? (MỚI)

Nếu một thể nhân hoặc pháp nhân được thành lập bên ngoài Liên minh đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh, theo quy định tại Điều 7 của Quy định này, thể nhân hoặc pháp nhân đầu tiên được thành lập tại Liên minh mà cung cấp các sản phẩm đó trên thị trường Liên minh sẽ được coi là cá nhân, tổ chức theo định nghĩa của Quy định này. Điều này có nghĩa là trong trường hợp đó, sẽ có hai cá nhân, tổ chức theo định nghĩa của Quy định này – một được thành lập bên ngoài và một được thành lập tại Liên minh.

Các cá nhân, tổ chức không có trụ sở tại Liên minh sẽ chỉ có quyền truy cập vào Hệ thống thông tin nếu như họ có số EORI hợp lệ, vì chỉ trong trường hợp này họ mới cần phải nộp tuyên bố TNGT sau khi đã thực hiện trách nhiệm giải trình trước khi nộp tờ khai hải quan.

Họ sẽ có quyền truy cập vào Hệ thống với tư cách là cá nhân, tổ chức chứ không phải là đại diện được ủy quyền, vì theo Điều 2(22) của Quy định này, đại diện ủy quyền phải là một đơn vị được thành lập tại Liên minh.

3.8. Những công ty hoặc doanh nghiệp nào được coi là đơn vị không phải doanh nghiệp nhỏ và vừa, và nghĩa vụ của họ là gì?

Một đơn vị thương mại không phải DNNVV là đơn vị thương mại không có quy mô nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 2 (30) của Quy định này. Điều khoản này đề cập đến các định nghĩa được nêu tại Điều 3 của Chỉ thị 2013/34/EU.

Điều này về cơ bản sẽ bao gồm bất kỳ công ty/doanh nghiệp quy mô lớn mà không phải là một cá nhân, tổ chức và kinh doanh các sản phẩm được quy định tại Phụ lục 1, ví dụ như các siêu thị lớn hoặc các chuỗi bán lẻ.

Theo Điều 5 (1) của Quy định này, nghĩa vụ của các đơn vị thương mại quy mô lớn giống như nghĩa vụ của các tổ chức quy mô lớn ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng, bao gồm: a) cần nộp tuyên bố TNGT; b) khi nộp tuyên bố TNGT, họ có thể dựa vào kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình trước đó trong chuỗi cung ứng, tuy nhiên trong trường hợp này, họ phải tuân theo các quy định tại Điều 4(9) của Quy định này; c) phải chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm Quy định này, cũng như chịu trách nhiệm về việc thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc tuyên bố TNGT do cá nhân, tổ chức ở giai đoạn đầu của chuỗi cung cấp.

3.9. Các cá nhân, tổ chức không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa bán cho người tiêu dùng (nhà bán lẻ) có được phân loại là đơn vị thương mại không? (MỚI)

Một tổ chức bán lẻ có thể được coi là "cá nhân, tổ chức" (nếu đáp ứng định nghĩa là "một thể nhân hoặc pháp nhân, trong quá trình hoạt động thương mại, đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu chúng") hoặc là "đơn vị thương mại" (nếu đáp ứng định nghĩa là "bất kỳ cá nhân nào trong chuỗi cung ứng, ngoài cá nhân, tổ chức, mà trong quá trình hoạt động thương mại, cung cấp các sản phẩm liên quan trên thị trường") theo Quy định này, tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể.

3.10. Theo Quy định này, tùy vào các tình huống cụ thể, một nhà bán lẻ có thể được phân loại là 'cá nhân, tổ chức' (nếu đủ điều kiện là 'thể nhân hoặc pháp nhân, trong quá trình hoạt động thương mại, đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu chúng từ thị trường Liên minh') hoặc 'đơn vị thương mại' (nếu đủ điều kiện là 'bất kỳ chủ thể nào trong chuỗi cung ứng ngoài cá nhân, tổ chức, trong quá trình hoạt động thương mại, cung cấp các sản phẩm liên quan trên vào thị trường Liên minh') Việc sửa đổi Điều 3 của Chỉ thị số 2013/34/EU bằng Chỉ thị do Ủy ban ủy quyền (EU) số 2023/2775, trong đó điều chỉnh các tiêu chí phân loại DNNVV, tác động như thế nào tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quy định này? (MỚI)

Quy mô điều chỉnh đối với các DNNVV trong Chỉ thị 2013/34/EU chỉ áp dụng tại các quốc gia thành viên Liên minh sau khi đã được nội luật hóa thành quy định pháp luật trong nước. Do đó, theo mục đích của Quy định này, các tiêu chí về quy mô điều chỉnh sẽ chỉ áp dụng cho các công ty/doanh nghiệp được thành lập tại Liên minh sau khi đã được nội luật hóa thành quy định pháp luật trong nước tại nước thành viên Liên minh nơi công ty/doanh nghiệp được thành lập.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng theo Điều 38(3) của Quy định này và việc Quy định này có hiệu lực vào ngày 30/6/2025, việc một cá nhân, tổ chức được xác định có quy mô siêu nhỏ hoặc nhỏ vào thời điểm 31/12/2020 mang tính chất quyết định. Điều này phụ thuộc vào quy định pháp luật của nước thành viên Liên minh nhằm thực hiện Chỉ thị 2013/34/EU và các ngưỡng quy mô được áp dụng tại thời điểm ngày 31/12/2020.

Theo chỉ thị ban đầu 2013/34/EU, các **doanh nghiệp có quy mô vừa** được xác định là “không phải là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ hay nhỏ và không vượt quá giới hạn của ít nhất hai trong ba tiêu chí sau vào ngày lập bảng cân đối kế toán: (a) tổng bảng cân đối kế toán: 20.000.000 EUR; (b) doanh thu ròng: 40.000.000 EUR; (c) số lượng nhân viên trung bình trong năm tài chính: 250.” Chỉ thị ủy quyền (EU) 2023/2775 sửa đổi các tiêu chí này bằng cách nâng ngưỡng giá trị tổng bảng cân đối lên 25.000.000 EUR và doanh thu ròng lên 50.000.000 EUR, xem Điều 1(3) Chỉ thị ủy quyền 2023/2775.

3.11. Ai sẽ chịu trách nhiệm nếu vi phạm Quy định này? (MỚI)

Tất cả các cá nhân, tổ chức phải chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của sản phẩm liên quan mà họ đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh. Quy định cũng yêu cầu các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) phải chia sẻ và cung cấp tất cả thông tin cần thiết trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Các đơn vị thương mại không phải DNNVV cũng phải chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm liên quan mà họ cung cấp trên thị trường Liên minh.

3.12. Trong trường hợp cây đứng hoặc quyền khai thác thì cá nhân, tổ chức là ai?

Cây đứng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này. Tùy thuộc vào các điều khoản thỏa thuận hợp đồng chi tiết, “cá nhân, tổ chức” tại thời điểm khai thác có thể là chủ rừng hoặc công ty/doanh nghiệp có quyền khai thác các sản phẩm liên quan, tùy thuộc vào việc ai là người đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hay xuất khẩu từ Liên minh.

3.13. Quy định này áp dụng như thế nào đối với các tập đoàn doanh nghiệp? (MỚI)

Các nghĩa vụ về thực hiện trách nhiệm giải trình được áp dụng cho ‘các cá nhân, tổ chức’ được quy định tại Điều 2(20) của Quy định này, bất kể các cá nhân, tổ chức là thành viên của một tập đoàn doanh nghiệp hay không.

4. CÁC ĐỊNH NGHĨA

4.1. ‘Mất rừng toàn cầu’ có nghĩa là gì?

‘Mất rừng toàn cầu’ nghĩa là việc mất rừng đang xảy ra trên toàn thế giới (cả trong và ngoài Liên minh) theo định nghĩa được nêu tại Điều 2 (nghĩa là việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp, cho dù do con người gây ra hay không).

Mất rừng và suy thoái rừng là một trong số những nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu và làm mất đa dạng sinh học- được coi là hai cuộc khủng hoảng môi trường toàn cầu quan trọng trong thời đại của chúng ta.

Nguyên nhân chính của mất rừng và suy thoái rừng trên thế giới là việc mở rộng diện tích đất nông nghiệp để sản xuất các hàng hóa như đậu nành, thịt bò, dầu cọ, gỗ, ca cao, cao su, hoặc cà phê. Là nền kinh tế lớn và cũng là thị trường tiêu thụ lớn các hàng hóa này, Liên minh cũng đang góp phần vào mất rừng và suy thoái rừng trên thế giới. Do đó, Liên minh có trách nhiệm đóng góp vào việc chấm dứt tình trạng này.

Bằng việc thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm và hàng hóa không gây mất rừng và giám sát động của Liên minh đến mất rừng và suy thoái rừng toàn cầu, Quy định này được kì vọng sẽ giảm phát thải khí nhà kính và giảm mất đa dạng sinh học do Liên minh gây ra.

4.2. ‘Lô đất’ có nghĩa là gì?

‘Lô đất’ – đối tượng được định vị địa lý theo Quy định này – được định nghĩa tại Điều 2(27) là ‘đất trong một bất động sản duy nhất, được công nhận bởi luật pháp của quốc gia sản xuất, có các điều kiện đồng nhất đủ để cho phép đánh giá mức độ rủi ro tổng hợp về mất rừng và suy thoái rừng liên quan đến các hàng hóa được sản xuất trên mảnh đất đó.’ Theo Quy định này, yếu tố chính là xác định lô đất được sử dụng để sản xuất hàng hóa dự kiến sẽ đưa vào thị trường Liên minh – không cần liệt kê tất cả các lô đất do một chủ sở hữu duy nhất sở hữu nếu một số phần của lô đất đó không được sử dụng để sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định, hoặc không có ý định đưa vào thị trường Liên minh.

4.3. Gỗ cần phải tuân thủ những tiêu chí nào?

Cách diễn đạt định nghĩa không gây mất rừng trong Điều 2 (13) (b) (“... trong trường hợp các sản phẩm liên quan có chứa gỗ hoặc được làm từ gỗ...”) tách gỗ ra khỏi phạm vi sản phẩm, nhấn mạnh về một “trường hợp đặc biệt” và nêu ra một câu hỏi về khả năng áp dụng của tiêu chí “không gây phá rừng” được quy định tại Điều 3 (a) đối với gỗ. Vậy gỗ có cần phải tuân thủ cả hai tiêu chí không, liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng, hay chỉ liên quan đến suy thoái rừng mà thôi?

Để đáp ứng các yêu cầu của Quy định này, gỗ cần phải tuân thủ với cả hai tiêu chí: a) gỗ được khai thác từ vùng đất không bị mất rừng sau ngày 31/12/2020; và b) gỗ được khai thác mà không gây ra suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020.

4.4. Mức độ tuân thủ trong khai thác là gì?

Nếu năm 2022, khai thác 20% diện tích rừng có độ che phủ 100% và để rừng tái sinh tự nhiên thì gỗ được khai thác như vậy có được coi là tuân thủ không? Trong 30 năm tới, một khi rừng được tái sinh, liệu hoạt động khai thác gỗ tương tự có thể diễn ra với cùng một kết luận về việc tuân thủ Quy định này không?

Theo Quy định này, "suy thoái rừng" có nghĩa là thay đổi cấu trúc về độ che phủ rừng, dưới hình thức chuyển đổi rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng hoặc thành đất rừng khác và chuyển đổi rừng nguyên sinh thành rừng trồng (Điều 2 (7)).

Định nghĩa này bao gồm tất cả các loại rừng được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) xác định. Do đó, suy thoái rừng theo Quy định này bao gồm việc chuyển đổi một số loại rừng thành các loại rừng khác hoặc đất rừng khác.

Được phép khai thác gỗ ở các mức độ khác nhau, miễn là việc khai thác gỗ không dẫn đến sự chuyển đổi theo định nghĩa về suy thoái rừng.

4.5. Trong phạm vi của định nghĩa “không gây phá rừng”, cụm từ ‘không gây suy thoái rừng’ đối với các sản phẩm có chứa gỗ hoặc được làm từ gỗ được hiểu như thế nào? (MỚI)

Yếu tố suy thoái rừng, được đề cập cụ thể trong định nghĩa ‘không gây mất rừng’, yêu cầu rằng gỗ phải "được khai thác từ các khu rừng mà không gây ra suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020" (theo Điều 2(13)(b) của Quy định này). Cụm từ "gây ra" nhấn mạnh mối liên hệ nhân quả giữa hoạt động khai thác gỗ và quá trình suy thoái rừng.

Điều này phản ánh thực tế rằng rừng có thể bị ảnh hưởng bởi các quá trình khác như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cháy rừng, v.v. Những yếu tố có thể gây suy thoái rừng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định. Quy định chỉ đề cập đến suy thoái rừng do các hoạt động lâm nghiệp, cụ thể là khai thác gỗ và các hoạt động tái sinh rừng sau khai thác. Các sản phẩm liên quan sẽ bị coi là không tuân thủ Quy định nếu có nguồn gốc từ một khu vực mà hoạt động khai thác đã gây ra suy thoái rừng. Để đánh giá nguy cơ suy thoái rừng, các cá nhân, tổ chức có thể xem xét toàn bộ dữ liệu và thông tin sẵn có vào thời điểm khai thác, bao gồm:

- Quy định pháp luật trong nước về quản lý rừng;
- Các kế hoạch quản lý rừng;
- Các kế hoạch trồng rừng và các hoạt động dự kiến sau khai thác;
- Kế hoạch phục hồi và bảo tồn;
- Các kế hoạch, quy trình, thủ tục quản lý khác.

Nếu tình trạng suy thoái rừng tiếp tục kéo dài, thì bất kỳ hoạt động khai thác gỗ nào trong tương lai trên một lô đất đã gây ra suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020 sẽ không được coi là "không gây mất rừng", và các sản phẩm liên quan sẽ không được đưa vào thị trường Liên minh.

Ngược lại, nếu khu rừng được tái sinh và khôi phục thành loại rừng không nằm trong phạm vi định nghĩa về suy thoái rừng ban đầu, thì gỗ khai thác từ các hoạt động mới trên lô đất đó có thể được coi là "không gây mất rừng".

4.6. Việc sản phẩm gỗ có gây suy thoái rừng hay không nên được đánh giá như thế nào, và khoảng thời gian liên quan nào đang được xem xét? (MỚI)

Theo Quy định này, ‘suy thoái rừng’ có nghĩa là những thay đổi cấu trúc về độ che phủ rừng, dưới hình thức chuyển đổi rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng hoặc thành đất rừng khác và việc chuyển đổi rừng nguyên sinh thành rừng trồng (theo Điều 2(7) của Quy định này).

| ‘Suy thoái rừng’ có nghĩa là: | | | | |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------|
| Các thay đổi cấu trúc về độ che phủ rừng, dưới hình thức chuyển đổi | | | | |
| 1) Rừng nguyên sinh thành | | | 2) Rừng tái sinh tự nhiên thành | |
| a) Rừng trồng | b) rừng trồng thương mại | b) Đất có rừng khác | a) Rừng trồng thương mại | b) Đất có rừng khác |

Để tuân thủ yếu tố suy thoái rừng trong định nghĩa ‘không gây phá rừng’, các cá nhân, tổ chức sẽ cần xác định xem loại rừng tại trước và kể cả thời điểm 31/12/2020 là rừng nguyên sinh hay rừng tái sinh tự nhiên (hai loại rừng được áp dụng trong định nghĩa về ‘suy thoái rừng’), sau đó cần đánh giá xem các hoạt động lâm nghiệp liên quan đến khai thác gỗ, cũng như các hoạt động dự kiến sau khai thác, có thể gây ra hoặc dẫn đến sự chuyển đổi, hoặc đã gây ra sự chuyển đổi, thành một loại rừng khác tương ứng với ‘suy thoái rừng’ hay không.

Điều quan trọng là xem xét các quy định pháp luật trong nước liên quan đến quản lý rừng, bao gồm các kế hoạch quản lý rừng bền vững hoặc khuôn khổ pháp luật cho việc khai thác rừng bền vững, cũng như thông tin và dữ liệu về tình trạng rừng trước khi khai thác, chế độ khai thác và các tác động có thể xảy ra, các biện pháp tái sinh rừng, các biện pháp bảo vệ và phục hồi rừng khác đã được lập kế hoạch, và các thông tin khác liên quan đến các tiêu chí đánh giá rủi ro được nêu chi tiết tại Điều 10 của Quy định này.

Nếu có bằng chứng cho thấy các hoạt động khai thác có thể gây ra suy thoái rừng*, thì sản phẩm gỗ từ các hoạt động đó không được phép đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi thị trường Liên minh trừ khi rủi ro này được giảm thiểu đến mức không còn hoặc không đáng kể.

Tại thời điểm khai thác, nếu mục đích cuối cùng dự kiến của lô đất (tái trồng rừng hoặc chuyển đổi mục đích) không được xác định thì sẽ có rủi ro rằng các hoạt động khai thác có thể gây ra suy thoái rừng. Do đó, những sản phẩm gỗ liên quan không được phép đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi thị trường Liên minh trừ khi rủi ro này được giảm thiểu đến mức không còn hoặc không đáng kể.

* Một số ví dụ cho thấy các hoạt động khai thác có thể gây ra suy thoái rừng:

- Các kế hoạch quản lý (hoặc thông tin khác có sẵn) cho thấy rằng các hoạt động khai thác và tái sinh rừng dự kiến có thể không đủ để ngăn chặn suy thoái rừng theo định nghĩa của Quy định này,
- Các hoạt động khai thác được thực hiện không phù hợp với các hoạt động đã được đề xuất trong kế hoạch quản lý rừng bền vững hoặc những hoạt động đã được phê duyệt theo quy định pháp luật trong nước,
- Kế hoạch trồng rừng và quản lý rừng sau khai thác có vẻ đáp ứng các tiêu chí về ‘rừng trồng’ phù hợp với định nghĩa của Quy định này, nhưng không đảm bảo tái sinh rừng tự nhiên; hoặc
- Không có hoặc không dự kiến các biện pháp tái sinh rừng (ví dụ: trồng cây hay gieo hạt).

4.7. Một sản phẩm gỗ có thể được coi là không gây suy thoái rừng hay không nếu được khai thác từ một khu rừng đã thay đổi cấu trúc sau ngày 31/12/2020 mà không phải do các hoạt động khai thác gây ra? (MỚI)

Có, nếu tình trạng suy thoái rừng sau năm 2020 được gây ra do các quá trình khác như biến đổi khí hậu, dịch bệnh hoặc cháy rừng không liên quan đến các hoạt động khai thác hoặc các hoạt động gây mất rừng, thì sản phẩm từ các hoạt động khai thác trên những lô đất đó vẫn có thể được coi là ‘không gây mất rừng’ với điều kiện là các hoạt động khai thác đó không gây ra suy thoái rừng.

Trong những trường hợp này, điều quan trọng là phải có đủ dữ liệu và bằng chứng để chứng minh rằng bất kỳ thay đổi nào về tình trạng rừng giữa hai giai đoạn thời gian không liên quan đến hoạt động khai thác gỗ.

Ngoài ra, khi mục đích của việc khai thác cây là bảo vệ rừng – chẳng hạn như khai thác gỗ bị hư hại sau bão hoặc cháy; hoặc chặt những cây bị nhiễm bệnh để ngăn chặn sự lây lan của sâu bệnh – thì không nên cho rằng việc khai thác đã ‘gây ra’ suy thoái rừng. Trong những trường hợp này, điều quan trọng là phải có đủ dữ liệu và bằng chứng để chứng minh mục đích thực sự của việc khai thác cây.

4.8. Trong một số trường hợp, bằng chứng về hoạt động khai thác gỗ gây ra ‘suy thoái rừng’ có thể không rõ ràng trong một khoảng thời gian sau khi sản phẩm gỗ được đưa vào (hoặc được cung cấp, hoặc được xuất khẩu) thị trường Liên minh. Các cá nhân, tổ chức có phải chịu trách nhiệm đối với các tình huống xảy ra sau khi nộp tuyên bố TNGT không? (MỚI)

Các sản phẩm gỗ liên quan có được coi là ‘không gây phá rừng’ không?

Các sản phẩm liên quan được coi là không tuân thủ Quy định này nếu có nguồn gốc từ một khu vực mà các hoạt động khai thác đã gây ra suy thoái rừng trong thời gian trước thời điểm nộp tuyên bố TNGT.

Khi nộp tuyên bố TNGT, các cá nhân, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng trách nhiệm giải trình và đảm bảo sự tuân thủ của các sản phẩm liên quan theo quy

định tại Điều 3 a) và b) của Quy định này. Trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình, cá nhân, tổ chức cần xem xét tất cả các thông tin và dữ liệu liên quan, bao gồm cả các yếu tố rủi ro được quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Ví dụ, có thể xảy ra vi phạm nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình, nếu phần đánh giá rủi ro khi thực hiện trách nhiệm giải trình không được thực hiện đúng cách, vì thông tin liên quan hoặc các tiêu chí cụ thể đã bị bỏ qua, bao gồm kế hoạch sau khai thác đối với lô đất.

Khi trách nhiệm giải trình không được thực hiện đúng cách, các cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại trong các giai đoạn sau của chuỗi cung ứng không thể sử dụng tuyên bố TNGT hiện có đối với các sản phẩm liên quan.

Ngược lại, nếu trách nhiệm giải trình được thực hiện đúng cách vào thời điểm đó, và các sản phẩm liên quan đảm bảo tuân thủ khi được đưa vào thị trường Liên minh, thì tình trạng tuân thủ của các sản phẩm này – và các sản phẩm phái sinh – sẽ không thay đổi nếu có bất kỳ tình huống nào xảy ra sau khi sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh (hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh) mà không thể được xác định là rủi ro tiềm ẩn vào thời điểm nộp tuyên bố TNGT. Tình trạng tuân thủ của các cá nhân, tổ chức trong trường hợp này cũng không bị ảnh hưởng.

4.9. Định nghĩa về “suy thoái rừng” có làm giảm mục đích của các hoạt động trồng cây và gieo hạt không, vốn là hoạt động quan trọng nhằm bảo vệ và phục hồi rừng? (MỚI)

Trong một số loại rừng, việc trồng cây hoặc gieo hạt có thể là phương pháp hiệu quả và được ưa chuộng để phục hồi rừng, bao gồm trồng cây và gieo hạt sau các sự kiện tự nhiên (ví dụ: bão, cháy rừng) hoặc sau các biện pháp quản lý đối với các loài xâm hại, sâu bệnh, hoặc để thúc đẩy tái sinh rừng ở những môi trường khắc nghiệt như đất nghèo kiệt, hạn hán, sương giá và/hoặc nơi dễ nhận thấy tác động của biến đổi khí hậu. Do đó, mặc dù việc chuyển đổi rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng được coi là góp phần làm “suy thoái rừng”, nhưng theo Quy định này, định nghĩa ‘rừng trồng’ không bao gồm “các khu rừng được trồng nhằm mục đích bảo vệ hoặc phục hồi hệ sinh thái, cũng như các khu rừng được hình thành thông qua việc trồng cây hoặc gieo hạt, mà khi trưởng thành sẽ tương tự hoặc giống với rừng tái sinh tự nhiên”.

Ngoại lệ này cũng cần được áp dụng một cách hợp lý cho ‘rừng trồng’.

4.10. Quy định “cây có thể đạt đến các ngưỡng đó tại chỗ” được áp dụng như thế nào? (MỚI)

Quy định “cây có thể đạt đến các ngưỡng đó tại chỗ” liên quan đến chiều cao cây và độ che phủ của tán cây trong định nghĩa về “rừng” tại Điều 2(4) của Quy định này được áp dụng như thế nào?

Nếu thảm thực vật thân gỗ đã hoặc dự kiến vượt 10% tán che của các loài cây có chiều cao hoặc chiều cao dự kiến từ 5 mét trở lên, thì khu vực đó sẽ được phân loại là “rừng”,

dựa trên định nghĩa của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO). Ví dụ, các cây non hiện tại chưa đạt nhưng được dự kiến sẽ đạt mật độ tán che 10% và chiều cao cây 5 mét thì vẫn được coi là “rừng” theo định nghĩa trong Quy định này. Tương tự, các khu vực tạm thời không có cây, nhưng vẫn được duy trì mục đích sử dụng chính là rừng cũng vẫn được coi là rừng.

4.11. Việc thay đổi mục đích sử dụng đất rừng nào được coi là tuân thủ theo Quy định này? (MỚI)

Mất rừng được định nghĩa tại Điều 2(3) của Quy định này là “việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp”. Có sự thay đổi mục đích sử dụng đất rừng nào khác được coi là tuân thủ Quy định này không?

Mất rừng theo Quy định này được định nghĩa là việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp. Việc chuyển đổi sang các mục đích khác như phát triển đô thị hoặc hạ tầng không thuộc định nghĩa về phá rừng. Ví dụ, gỗ được khai thác hợp pháp từ một khu rừng để làm đường sẽ tuân thủ Quy định này.

4.12. Thiên tai có được tính là mất rừng không?

Định nghĩa về “phá rừng” trong Quy định này bao gồm việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp, cho dù do con người gây ra hay không, kể cả các tình huống do thiên tai. Một khu rừng bị cháy và sau đó được chuyển đổi thành đất nông nghiệp (sau ngày 31/12/2020) sẽ được coi là mất rừng theo Quy định này. Trong trường hợp cụ thể này, một cá nhân, tổ chức sẽ bị cấm thu mua hàng hóa thuộc phạm vi của Quy định này từ khu vực đó (tuy nhiên không phải vì cháy rừng). Ngược lại, nếu khu rừng bị ảnh hưởng đó được phép tái sinh thì sẽ không được coi là mất rừng và một cá nhân, tổ chức có thể thu mua gỗ từ khu rừng đó sau khi rừng đã tăng trưởng trở lại.

4.13. ‘Đất rừng khác’ hoặc các hệ sinh thái khác có được đưa vào phạm vi của Quy định này không?

Quy định này dựa trên định nghĩa về ‘rừng’ của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc. Điều này bao gồm bốn tỷ héc-ta rừng - phần lớn diện tích đất có thể ở được và chưa được sử dụng cho nông nghiệp - bao gồm các khu vực được xác định là thảo nguyên, vùng đất ngập nước và các hệ sinh thái có giá trị khác theo quy định pháp luật của quốc gia.

Lần đánh giá đầu tiên về việc thực hiện Quy định này sẽ được thực hiện trong vòng một năm sau khi Quy định có hiệu lực và sẽ đánh giá tác động của việc mở rộng phạm vi của Quy định này sang ‘đất rừng khác’. Lần đánh giá thứ hai sẽ được thực hiện trong vòng hai năm sau khi Quy định này có hiệu lực và sẽ đánh giá tác động của việc mở rộng phạm vi của Quy định sang các hệ sinh thái ngoài ‘rừng’ và ‘đất rừng khác’.

Việc chuyển đổi từ rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên sang rừng trồng hoặc sang đất rừng khác đã là một phần của định nghĩa ‘suy thoái rừng’, và các sản phẩm gỗ

đến từ đất được chuyển đổi đó không được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh.

4.14. Hoạt động trồng cao su có được coi là ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’ theo Quy định này không? (MỞI)

Có. Hoạt động trồng cao su được coi là thuộc định nghĩa về ‘trang trại nông nghiệp’ theo Quy định này, có nghĩa là ‘đất có cây trong các hệ thống sản xuất nông nghiệp, chẳng hạn như trang trại cây ăn quả, trang trại cây cọ dầu, trang trại cây ô liu và các hệ thống nông lâm kết hợp, nơi cây được trồng dưới tán rừng.’

Định nghĩa này bao gồm tất cả các trang trại nơi nuôi, trồng các hàng hóa liên quan, trừ gỗ. Các trang trại nông nghiệp không thuộc định nghĩa về ‘rừng’. Điều này được hiểu là việc chuyển đổi một khu rừng thành một trang trại trồng cây cao su sẽ bị xem là hành vi mất rừng theo Quy định này.

5. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

5.1. Nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức của Liên minh là gì?

Theo nguyên tắc chung, các cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải DNNVV) sẽ phải thiết lập và duy trì hệ thống trách nhiệm giải trình, bao gồm ba bước.

Bước thứ nhất, các cá nhân, tổ chức cần thu thập thông tin được quy định tại Điều 9 của Quy định này, chẳng hạn như hàng hóa hoặc sản phẩm mà họ dự định đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh (hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh trong trường hợp đơn vị thương mại không phải DNNVV), bao gồm thủ tục hải quan 'thông quan để lưu thông tự do' và 'xuất khẩu', cũng như số lượng, nhà cung cấp, quốc gia sản xuất, bằng chứng khai thác hợp pháp, và nhiều thông tin khác. Một yêu cầu quan trọng, trong bước này, là thu thập tọa độ vị trí địa lý của các lô đất nơi hàng hóa liên quan được nuôi, trồng, và cung cấp thông tin liên quan - sản phẩm, mã CN, số lượng, quốc gia sản xuất, tọa độ vị trí địa lý - trong tuyên bố TNGT sẽ được nộp vào Hệ thống thông tin. Nếu các cá nhân, tổ chức (hoặc các đơn vị thương mại không phải DNNVV) không thể thu thập các thông tin cần thiết thì họ không được đưa vào thị trường Liên minh (hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh trong trường hợp đơn vị thương mại không phải DNNVV) hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan. Nếu không sẽ dẫn đến vi phạm Quy định này và có thể dẫn đến các biện pháp xử phạt.

Bước thứ hai, các cá nhân, tổ chức sẽ cần đưa thông tin đã thu thập được ở bước đầu tiên vào hệ thống trách nhiệm giải trình để xác minh và đánh giá rủi ro của các sản phẩm không tuân thủ đi vào chuỗi cung ứng, dựa trên các tiêu chí được mô tả tại Điều 10 của Quy định này. Các cá nhân, tổ chức cần chứng minh thông tin đã thu thập được kiểm tra như thế nào theo các tiêu chí đánh giá rủi ro và họ đã xác định rủi ro như thế nào.

Bước thứ ba, các cá nhân, tổ chức cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro đầy đủ và phù hợp nếu nhận thấy ở bước thứ hai có nguy cơ rủi ro cao hơn mức rủi ro không đáng kể về việc không tuân thủ, để đảm bảo rằng rủi ro đó trở thành rủi ro không đáng kể, dựa trên các tiêu chí được mô tả tại Điều 11 của Quy định này. Những biện pháp giảm thiểu rủi ro này cần phải được tài liệu hóa.

Các cá nhân, tổ chức thu mua hàng hóa hoàn toàn từ các khu vực được phân loại là rủi ro thấp sẽ phải tuân theo các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình đơn giản hóa. Theo Điều 13 của Quy định này, họ sẽ cần thu thập thông tin theo quy định tại Điều 9 của Quy định này, nhưng sẽ không phải đánh giá và giảm thiểu rủi ro (Điều 10 và Điều 11 của Quy định này) trừ khi cá nhân, tổ chức có hoặc biết được bất kỳ thông tin nào liên quan, bao gồm các quan ngại có căn cứ được đệ trình theo Điều 31 của Quy định này, mà có thể chỉ ra rủi ro các sản phẩm liên quan không tuân thủ Quy định này (Điều 13.2).

5.2. Một ‘đại diện được ủy quyền’ là gì?

Theo Điều 6 của Quy định này, cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có thể ủy quyền cho các đại diện nộp tuyên bố TNGT thay mặt họ. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại vẫn phải chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của các sản phẩm liên quan.

Nếu cá nhân, tổ chức là thể nhân hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ thì họ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại ở giai đoạn tiếp theo trong chuỗi cung ứng đóng vai trò là đại diện được ủy quyền của mình, với điều kiện là cá nhân, tổ chức được ủy quyền không phải là thể nhân hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức ủy quyền vẫn chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của sản phẩm.

5.2. Các công ty có thể thực hiện trách nhiệm giải trình thay mặt cho công ty con hoặc chi nhánh được không?

Chính sách về tổ chức nội bộ và thực hiện trách nhiệm giải trình của một tập đoàn/một nhóm các công ty (gồm một công mẹ và nhiều công ty con) không chịu sự điều chỉnh của Quy định này. Cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh một sản phẩm liên quan chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của sản phẩm đó và sự tuân thủ chung với Quy định này. Do đó, tên của cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại được điền vào tuyên bố TNGT thì cá nhân, tổ chức hoặc thương nhân đó sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm theo Quy định này.

5.3. Tái nhập khẩu một sản phẩm thì được quy định như thế nào?

Nếu tái nhập khẩu một sản phẩm trước đó đã được xuất khẩu từ Liên minh thì nghĩa vụ trong tuyên bố TNGT là gì?

Nếu một cá nhân, tổ chức (hoặc đơn vị thương mại không phải DNNVV) tái nhập khẩu một sản phẩm trước đó đã được xuất khẩu từ Liên minh và đưa sản phẩm đó vào thị trường Liên minh theo thủ tục hải quan 'thông quan để lưu thông tự do', thì các nghĩa vụ tương tự sẽ được áp dụng như khi sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh lần đầu tiên. Khi xuất khẩu, sản phẩm liên quan sẽ mất tình trạng hải quan “hàng hóa của Liên minh” và sản phẩm đó được coi là sản phẩm mới khi được đưa lại vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp lại trên thị trường Liên minh. Các tuyên bố TNGT trước đó có thể giúp cá nhân, tổ chức thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm này.

5.4. Những thủ tục hải quan nào sẽ bị ảnh hưởng?

Các sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh theo các thủ tục hải quan khác ngoài “thông quan để lưu thông tự do” hoặc “xuất khẩu” (ví dụ như lưu kho ngoại quan, xử lý nhập khẩu, tạm nhập, v.v.) không phải tuân theo Quy định này.

5.5. Việc đưa vào thị trường các sản phẩm không được sản xuất tại Liên minh có cần được thông quan không? Trong trường hợp đó, tờ khai hải quan có được coi là đủ điều kiện để chứng minh không? (MỚI)

Có, trước khi được đưa vào thị trường Liên minh, các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sản xuất bên ngoài Liên minh cần phải được thông quan. Trong trường hợp này, chỉ tờ khai hải quan (không phải vận đơn hoặc chứng từ thương mại hoặc các tài liệu logistics khác) mới được coi là bằng chứng đầy đủ, với điều kiện tờ khai đó có thể liên kết trực tiếp đến sản phẩm đang được đề cập.

5.6. Vai trò của các chương trình hoặc hệ thống chứng chỉ hoặc xác minh là gì?

Các thành viên trong chuỗi cung ứng có thể sử dụng các chương trình/hệ thống chứng nhận để hỗ trợ đánh giá rủi ro trong phạm vi chương trình/hệ thống chứng nhận đó bao gồm thông tin cần thiết để các mắt xích trong chuỗi cung ứng tuân thủ nghĩa vụ theo Quy định này. Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải DNNVV vẫn sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm về bất kỳ vi phạm nào.

5.7. Ủy ban châu Âu đang xây dựng một hướng dẫn nhằm cung cấp và giải thích thêm về vai trò của các chương trình hoặc hệ thống chứng chỉ và xác minh của bên thứ ba trong việc đánh giá và giảm thiểu rủi ro. Tài liệu liên quan đến thực hiện trách nhiệm giải trình phải được lưu giữ trong bao lâu? (MỚI)

Cá nhân, tổ chức phải lưu giữ tài liệu liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong bao lâu? Đơn vị thương mại là DNNVV có phải lưu giữ thông tin về hàng hóa liên quan được đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh không? Thời gian lưu giữ được tính từ khi nào?

Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thu thập, sắp xếp và lưu giữ thông tin cũng các bằng chứng liên quan trong vòng 5 năm kể từ ngày đưa hàng hóa và sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh, xuất khẩu ra khỏi Liên minh, theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Theo quy định tại Điều 10 (4) và Điều 11 (3) của Quy định này, các cá nhân, tổ chức có thể phải chứng minh cách thức thực hiện trách nhiệm giải trình cũng như các biện pháp giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng trong trường hợp có rủi ro được xác định. Tài liệu liên quan đến các biện pháp giảm thiểu rủi ro này phải được lưu giữ ít nhất 5 năm sau khi thực hiện trách nhiệm giải. Ngoài ra, các cá nhân, tổ chức cũng phải lưu giữ hồ sơ của các tuyên bố TNGT trong vòng 5 năm kể từ khi tuyên bố TNGT được nộp vào Hệ thống thông tin, thời điểm nộp Tuyên bố phải trước ngày sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh. Các đơn vị thương mại không phải DNNVV cũng có nghĩa vụ lưu giữ tài liệu tương tự như các cá nhân, tổ chức.

5.8. Tiêu chí cho ‘sản phẩm có rủi ro không đáng kể’ là gì?

“Rủi ro không đáng kể” đề cập đến mức độ rủi ro áp dụng cho các sản phẩm có liên quan sẽ được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh dựa trên đánh giá đầy đủ các thông tin chung và thông tin về sản phẩm cụ thể, và, nếu cần thiết, việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp, không có lý do để lo ngại những hàng hóa hoặc sản phẩm này không tuân thủ Điều 3, điểm (a) hoặc (b), của Quy định này.

5.9. ‘Sản phẩm có rủi ro không đáng kể’ có được miễn trừ không?

Có thể hiểu rủi ro không đáng kể trong Điều 2 (26) và Điều 10(1) của Quy định này là các tiêu chí được miễn trừ áp dụng Quy định này không?

Không. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại (không phải DNNVV) chỉ có thể đưa ra một kết luận về “rủi ro không đáng kể” (là một điều kiện tiên quyết để đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan) **được xem là kết quả của việc thực hiện trách nhiệm giải trình** (theo quy định tại Điều 4(1) của Quy định này).

Thực hiện trách nhiệm giải trình là nghĩa vụ cốt lõi của các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại được quy định trong Quy định này và không được miễn trừ.

Ghi chú: Yếu tố ‘rủi ro không đáng kể’ không áp dụng cho các hàng hóa (không có ‘tình trạng rủi ro’ của hàng hóa theo Quy định này).

5.10. Một số hàng hóa nhất định từ một quốc gia cụ thể có được coi là ‘có rủi ro không đáng kể’ không?

Dầu cọ, cao su, cà phê, ca cao, hoặc gỗ từ một quốc gia cụ thể có được coi là “rủi ro không đáng kể” không?

Không. Xem câu hỏi và phần trả lời ở trên.

5.11. Khi kiểm tra việc tuân thủ yêu cầu "không gây phá rừng", việc kiểm tra nên tập trung vào thời điểm nào? (MỚI)

Việc đánh giá xem hàng hóa có góp phần gây mất rừng hay không được thực hiện bằng cách truy xuất thông tin về quá khứ để xác định liệu khu đất trồng trọt có từng là rừng (theo định nghĩa tại Điều 2 của Quy định này) trước ngày 31/12/2020 hay không.

5.12. Khi thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm giải trình, các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại cần có tài liệu đối với những sản phẩm nào? (MỚI)

Chỉ yêu cầu cung cấp tài liệu đối với các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này (mã HS được liệt kê tại Phụ lục I). Không yêu cầu tài liệu đối với các sản phẩm được sản xuất từ các hàng hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này (tức là không được liệt kê tại Phụ lục I).

5.13. Khi nào thì các cá nhân, tổ chức không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập báo cáo thường niên theo quy định tại Điều 12(3) của Quy định này? (MỚI)

Quy định này sẽ có hiệu lực từ ngày 30/12/2024 (và từ ngày 30/6/2025 đối với các công ty nhỏ và siêu nhỏ). Theo Điều 12(3) của Quy định này, các công ty liên quan phải công bố báo cáo thường niên về các hoạt động đã thực hiện để tuân thủ các yêu cầu của Quy định. Vì năm 2025 sẽ là năm đầu tiên áp dụng Quy định này, báo cáo đầu tiên (về các hoạt động thực hiện trong năm 2025) phải được công bố sau ngày 30/12/2025.

Các công ty đã báo cáo các nội dung có liên quan theo Điều 12(3) của Quy định này trong quá trình thực hiện các nghĩa vụ báo cáo theo các quy định pháp luật liên quan khác của Liên minh (chẳng hạn như Chỉ thị của Liên minh về trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp - EU Corporate Sustainability Due Diligence Directive-CSDDD) sẽ không phải báo cáo lại.

Các công ty đã báo cáo các nội dung có liên quan được quy định tại Điều 12(3) của Quy định này khi thực hiện các nghĩa vụ báo cáo theo quy định pháp luật liên quan khác của Liên minh (chẳng hạn như Chỉ thị của Liên minh về trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp - EU Corporate Sustainability Due Diligence Directive-CSDDD) thì không phải báo cáo lại.

5.14. Có mẫu tuyên bố TNGT mà các bên tham gia trong bảy lĩnh vực hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này không? (MỚI)

Một mẫu tuyên bố TNGT thống nhất của các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại được áp dụng chung cho tất cả lĩnh vực hàng hóa (xem Phụ lục II của Quy định này), và các biểu mẫu trong Hệ thống Thông tin được dựa trên mẫu này.

5.15. Có bộ định dạng được xác định trước hoặc danh sách các câu hỏi để thực hiện trách nhiệm giải trình không? (MỚI)

Không. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại phải tuân thủ trách nhiệm giải trình tương ứng được quy định tại các Điều 8, 9, 10 và 11 của Quy định này. Điều kiện tiên quyết để đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh, cung cấp sản phẩm trên thị trường Liên minh, xuất khẩu sản phẩm ra khỏi Liên minh là sản phẩm không có rủi ro hoặc có rủi ro không đáng kể về việc không tuân thủ.

Lưu ý rằng việc thực hiện trách nhiệm giải trình không chỉ đơn thuần mang tính thủ tục mà cần căn cứ vào bối cảnh và chuỗi cung ứng cụ thể, và đảm bảo việc thực hiện qua đầy đủ các bước giải trình theo quy định tại Quy định này (tức là gồm có yêu cầu thông tin, đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro, theo quy định tại các Điều 9, 10 và 11 của Quy định này).

5.16. Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại (và/hoặc các đại diện được ủy quyền) muốn đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan có phải đăng ký trong Hệ thống thông tin không? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại phải đăng ký trong Hệ thống thông tin nếu họ phải nộp tuyên bố TNGT theo Quy định này. Ngoài ra, các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có thể sử dụng dịch vụ của đại diện được ủy quyền (với điều kiện đại diện này đã được đăng ký trong Hệ thống với tư cách là đại diện được ủy quyền).

5.17. Ủy ban châu Âu có ban hành thêm thông tin chi tiết về các công cụ hình ảnh vệ tinh được sử dụng để kiểm tra tính tuân thủ của các sản phẩm liên quan không (ví dụ như, chi tiết về độ phân giải tối thiểu)? (MỚI)

Mặc dù các công cụ hình ảnh không gian có thể hỗ trợ các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại trong việc thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm giải trình (nhằm xác định rằng một sản phẩm không gây mất rừng) cũng như hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh trong quá trình kiểm tra, Quy định này không yêu cầu sử dụng các công cụ hình ảnh vệ tinh cụ thể hoặc áp đặt ngưỡng độ phân giải hình ảnh vệ tinh để làm bằng chứng chứng minh không có tình trạng phá rừng.

5.18. Tần suất nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình trong Hệ thống thông tin là bao lâu và nhiều lô hàng có thể cùng tuyên bố trách nhiệm giải trình không? Trường hợp các sản phẩm liên quan có thể được đưa vào thị trường Liên minh liên tiếp trong một khoảng thời gian thì được quy định như thế nào? (MỚI)

Trên thực tế, nhiều lô hàng thực tế có thể sử dụng cùng một tuyên bố TNGT. Trong trường hợp này, các cá nhân, tổ chức (hoặc đơn vị thương mại không phải DNNVV, xem Điều 5(1) của Quy định này) phải xác nhận rằng họ đã thực hiện trách nhiệm giải trình cho toàn bộ các sản phẩm liên quan họ dự định đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh, đồng thời không phát hiện thấy rủi ro hoặc chỉ phát hiện thấy rủi ro không đáng kể về việc các sản phẩm đó không tuân thủ quy định tại Điều 3, điểm (a) hoặc (b) của Quy định này (Phụ lục II). Các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm cũng cần đảm bảo rằng các sản phẩm liên quan tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy định này (Điều 4(3)).

Ngoài ra, cần xem xét các yêu cầu pháp lý và cân nhắc thực tế sau:

- 1 Số lượng của tất cả các sản phẩm liên quan đã được đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh phải được khai báo trong tuyên bố TNGT (Điều 3(c) của Quy định này) và tuyên bố này phải được nộp trước khi lô hàng được đưa vào thị trường Liên minh, cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh (Điều 4(2) của Quy định này).
- 2 Sau khi số lượng sản phẩm có trong tuyên bố TNGT đã hoàn toàn được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh, các cá nhân, tổ chức phải nộp một tuyên bố TNGT mới cho bất kỳ số lượng sản phẩm bổ sung nào.
- 3 Theo Điều 12(2) của Quy định, các cá nhân, tổ chức phải rà soát, đánh giá hệ thống trách nhiệm giải trình của họ mỗi năm một lần. Do đó, tuyên bố TNGT không được sử dụng cho các lô hàng trong thời gian dài hơn một năm kể từ thời điểm nộp. Thời gian dài hơn có thể gây khó khăn cho việc chứng minh mối liên hệ giữa thông tin được khai báo trong Tuyên bố và thông tin thực tế về sản phẩm (dự định) được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh.
- 4 Với tuyên bố TNGT, các cá nhân, tổ chức xác nhận rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện đối với tất cả các sản phẩm liên quan dự định được đưa vào thị

trường Liên minh, được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh đồng thời rủi ro không tuân thủ của các sản phẩm không có hoặc ở mức không đáng kể. Do đó, về nguyên tắc, tuyên bố TNGT phải cung cấp thông tin về các hàng hóa đã được trồng, khai thác, thu hoạch trên các lô đất liên quan hoặc, nếu là gia súc, được nuôi tại các cơ sở liên quan. Nói cách khác, các cá nhân, tổ chức cần đảm bảo rằng thông tin trong Tuyên bố TNGT phải tương ứng với thông tin về hàng hóa thực tế.

- 5 Số lượng sản phẩm được khai báo trong tuyên bố TNGT phải tương ứng với số lượng sản phẩm đã được các cá nhân, tổ chức thực hiện trách nhiệm giải trình và dự định đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh. Khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, các cá nhân, tổ chức cần cung cấp bằng chứng về sự tương ứng này trong hệ thống trách nhiệm giải trình đã được thiết lập theo quy định tại Điều 12 của Quy định này của họ. Trừ khi áp dụng trách nhiệm giải trình đơn giản hóa (theo Điều 13 của Quy định này), các cá nhân, tổ chức phải cung cấp bằng chứng về việc đánh giá rủi ro không tuân thủ đối với tất cả các sản phẩm đã khai báo (liên quan đến yêu cầu không gây mất rừng và tính hợp pháp) theo Điều 10(2) của Quy định này và xác nhận rằng rủi ro là không đáng kể đối với tất cả các sản phẩm đã khai báo. Hồ sơ chứng minh sự tương ứng nêu trên phải được lưu giữ trong vòng 5 năm kể từ ngày (lần cuối) sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh, và phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu (Điều 9 của Quy định này). Trường hợp số lượng sản phẩm được khai báo trong tuyên bố TNGT không được đưa toàn bộ vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh, các cá nhân, tổ chức phải lưu giữ hồ sơ liên quan để giải thích sự khác biệt giữa số lượng sản phẩm khai báo và số lượng thực tế được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu ra khỏi Liên minh, hồ sơ này phải được lưu giữ trong vòng 5 năm và được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu (Điều 9 của Quy định này).
- 6 Dung lượng của tập tin Tuyên bố TNGT riêng lẻ, bao gồm cả dữ liệu vị trí địa lý đi kèm không được vượt quá giới hạn dung lượng cho phép tải lên Hệ thống Thông tin (25 MB).
- 7 Trường hợp nhiều lô hàng sử dụng cùng tuyên bố TNGT, sự phức tạp này có thể làm tăng thêm rủi ro không tuân thủ của sản phẩm. Các cá nhân, tổ chức phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của tất cả các lô hàng và thông tin họ khai báo trong tuyên bố TNGT, bao gồm thông tin về quốc gia sản xuất và vị trí địa lý của tất cả các lô đất liên quan. Sự phức tạp này cũng có thể dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro để xác định các biện pháp kiểm tra cần thiết (Điều 16 của Quy định này). Khi cần, các biện pháp hoặc hành động tạm thời nhằm xử lý không tuân thủ có thể được áp dụng đối với tất cả các sản phẩm liên quan được khai báo trong tuyên bố TNGT, kể cả những sản phẩm thuộc các lô hàng riêng biệt.

5.19. Thời điểm muộn nhất để nộp tuyên bố TNGT là khi nào? (MỚI)

Theo Điều 4(1) của Quy định này, các cá nhân, tổ chức phải thực hiện trách nhiệm giải trình cần thiết theo quy định tại Điều 8 của Quy định này trước khi đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh để chứng minh rằng các sản phẩm đó tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy định này. Điều này cũng áp dụng đối với các đơn vị thương mại không phải DNNVV theo Điều 5(1) của Quy định này.

Đối với các sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh (nhập khẩu) hoặc đưa ra khỏi thị trường Liên minh (xuất khẩu), số tham chiếu của tuyên bố TNGT cần được cung cấp cho cơ quan hải quan. Để thực hiện, theo Điều 26 của Quy định, người nộp tờ khai hải quan (được gọi là "người khai hải quan") sẽ cung cấp số tham chiếu của tuyên bố TNGT của sản phẩm liên quan trong tờ khai hải quan sẽ được nộp cho cơ quan hải quan. Do đó, tuyên bố TNGT phải được nộp và người khai hải quan phải có được số tham chiếu của văn bản này trước khi nộp tờ khai hải quan¹.

Trong trường hợp một Tuyên bố TNGT áp dụng cho nhiều lô hàng, cùng một số tham chiếu của Tuyên bố có thể được sử dụng trong nhiều tờ khai hải quan miễn là tuân thủ các yêu cầu về pháp luật của Quy định này, cụ thể như đã nêu tại Câu hỏi 1.

Đối với hàng hóa được sản xuất bên trong Liên minh, thời điểm chính xác đưa sản phẩm ra thị trường Liên minh được hiểu là thời điểm sản phẩm sẵn sàng lưu thông trên thị trường Liên minh (tức là hàng hóa đã được nuôi, trồng và trong trường hợp sản phẩm phải sinh, được sản xuất, chế biến) và được cung cấp trên thị trường Liên minh (để phân phối, tiêu thụ hoặc sử dụng). Đồng thời phải có một thỏa thuận giữa hai hay nhiều pháp nhân hoặc thể nhân, trong đó các bên cam kết cung cấp các sản phẩm liên quan. Thỏa thuận này có thể quy định việc cung cấp đó là miễn phí hay là có thu phí. Lấy một ví dụ liên quan đến rừng, tuyên bố TNGT phải được nộp chậm nhất khi cả hai điều kiện sau đều được đáp ứng: i) có sẵn gỗ đã khai thác và ii) hoàn tất thỏa thuận mua bán hoặc cung cấp gỗ đã khai thác bằng việc đồng ý cung cấp gỗ cho một bên thứ ba, chẳng hạn như một xưởng cưa.

Thời điểm được đề cập ở đây không liên quan đến việc thanh toán, ngày giao hàng đầu tiên hoặc ngày chuyển giao quyền sở hữu.

¹ Trong trung hạn đến dài hạn, các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải là DNNVV có thể nộp cùng lúc tờ khai hải quan và tuyên bố TNGT theo phương thức điện tử như được đề cập trong Điều 28(2) của Quy định này. Nội dung này hiện chưa được áp dụng và do đó chưa được phản ánh trong tài liệu này. Hướng dẫn và Câu hỏi thường gặp riêng biệt sẽ được cung cấp kịp thời về vấn đề này.

6. ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG VÀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC

6.1. Đánh giá và xếp hạng quốc gia là gì?

Ủy ban Châu Âu vận hành một hệ thống phân loại các quốc gia, hoặc các vùng trong các quốc gia đó theo mức độ rủi ro gây mất rừng của các quốc gia sản xuất hàng hóa, thành ba mức độ (cao, tiêu chuẩn, hoặc thấp).

Các tiêu chí để xác định tình trạng rủi ro của các quốc gia hoặc các vùng của quốc gia được quy định tại Điều 29 của Quy định này. Điều 29 (2) quy định Ủy ban châu Âu phải xây dựng một hệ thống và công bố danh sách các quốc gia, hoặc các khu vực của quốc gia, trong vòng 18 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực và khi các quy định chính của Quy định này có hiệu lực. Hệ thống này sẽ dựa trên phân tích đánh giá khách quan và minh bạch về các tiêu chí định tính và định lượng, có xem xét các bằng chứng khoa học mới nhất, các nguồn được quốc tế công nhận, và thông tin được xác minh ở thực địa.

6.2. Phương pháp đánh giá và xếp hạng quốc gia là gì?

Phương pháp đánh giá và xếp hạng quốc gia hiện đang được Ủy ban châu Âu xây dựng và sẽ được trình bày tại các cuộc họp trong tương lai của Diễn đàn đa bên về chống mất rừng và các cuộc họp liên quan khác.

6.3. Các bên liên quan có thể đóng góp như thế nào?

Các quốc gia sản xuất và các bên liên quan khác có thể tham gia và đóng góp vào quá trình đánh giá và xếp hạng quốc gia như thế nào, và thông tin do các nước sản xuất và các bên liên quan khác cung cấp sẽ được đánh giá, xác minh và sử dụng như thế nào?

Theo quy định tại Điều 29(5) của Quy định này, Ủy ban châu Âu phải tham gia đối thoại cụ thể với tất cả các quốc gia được phân loại là rủi ro cao, hoặc có nguy cơ được phân loại là rủi ro cao, với mục tiêu giảm mức độ rủi ro của các quốc gia này. Đối thoại sẽ là cơ hội để các quốc gia đối tác cung cấp thêm thông tin liên quan và hợp tác chặt chẽ với Liên minh trước khi hoàn tất phân loại.

6.4. Các quốc gia có thể chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan với Ủy ban châu Âu không?

Các quốc gia có thể chia sẻ thông tin, dữ liệu được cho là liên quan đến việc thực hiện Quy định này (ví dụ dữ liệu về tỉ lệ mất rừng và tỉ lệ suy thoái rừng) với Ủy ban châu Âu không? Nếu được thì các quốc gia có thể chia sẻ thông tin, dữ liệu ngoài khuôn khổ đối thoại cụ thể được đề cập tại Điều 29(5) của Quy định này không?

Mặc dù Quy định này không đưa ra nghĩa vụ nào với nước thứ ba phải chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan với Liên minh. Tuy nhiên, Liên minh hoan nghênh các quốc gia nếu mong muốn chia sẻ thông tin, dữ liệu ở bất cứ giai đoạn nào kể từ khi Quy định này có hiệu lực. Các quốc gia có thể chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan bất kể quốc gia đó có tham gia

vào đối thoại cụ thể với Liên minh hay không, chẳng hạn như theo Điều 29(5) của Quy định này về đánh giá và xếp hạng các quốc gia, hoặc đối thoại trong một bối cảnh khác.

6.5. Các rủi ro về tính hợp pháp có được xem xét không?

Việc đánh giá và xếp hạng các quốc gia có xem xét các rủi ro về tính hợp pháp cũng như các rủi ro về mất rừng và suy thoái rừng không? Luật pháp và các chính sách về lâm nghiệp của các quốc gia sản xuất, cụ thể là liên quan đến “mất rừng hợp pháp”, sẽ được đánh giá/xem xét như thế nào trong quá trình đánh giá và xếp hạng quốc gia?

Danh sách các tiêu chí đánh giá và xếp hạng được quy định tại Điều 29 của Quy định này. Việc đánh giá của Ủy ban châu Âu sẽ dựa trên phân tích đánh giá khách quan và minh bạch, dựa trên các tiêu chí được quy định tại Điều 29 (3) và 29 (4) của Quy định này. Các tiêu chí định lượng có liên quan bao gồm: (a) tỉ lệ mất rừng và suy thoái rừng, (b) tỉ lệ mở rộng đất nông nghiệp để sản xuất các hàng hóa liên quan, và (c) xu hướng sản xuất của các hàng hóa và sản phẩm liên quan.

Như đã được nêu trong Quy định, việc đánh giá cũng có thể xem xét các tiêu chí khác, bao gồm (a) các thông tin do chính phủ hoặc bên thứ ba cung cấp (các tổ chức phi chính phủ, hoặc ngành công nghiệp); (b) các thỏa thuận và văn bản khác giữa quốc gia có liên quan và Liên minh và/hoặc các quốc gia thành viên của Liên minh nhằm giải quyết tình trạng mất rừng và suy thoái rừng; (c) các quy định pháp luật hiện có trong nước về chống mất rừng và suy thoái rừng cũng như việc thực thi các quy định pháp luật này; (d) sự sẵn có và minh bạch của thông tin, dữ liệu trong nước; (e) sự hiện có, sự tuân thủ, hoặc thực thi hiệu quả quy định pháp luật, nếu có, về bảo vệ quyền của người dân bản địa; và (g) các biện pháp trừng phạt quốc tế do Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hoặc của Hội đồng Liên minh Châu Âu ban hành đối với xuất nhập khẩu các hàng hóa và sản phẩm liên quan, v.v.

6.6. Những hỗ trợ nào được cung cấp cho các quốc gia sản xuất và các hộ tiểu điền?

Các quốc gia sản xuất và hộ tiểu điền được hỗ trợ như thế nào để sản xuất các sản phẩm tuân thủ Quy định này? Có thể đảm bảo các hộ tiểu điền không bị loại khỏi chuỗi cung ứng như thế nào?

Liên minh và các nước thành viên Liên minh đang tăng cường hợp tác với các nước đối tác, các quốc gia tiêu thụ và sản xuất, để cùng giải quyết tình trạng mất rừng và suy thoái rừng thông qua Sáng kiến toàn cầu của Nhóm châu Âu về các chuỗi giá trị không gây mất rừng (TEI). Các cơ chế đối tác và hợp tác của TEI sẽ hỗ trợ giải quyết tình trạng mất rừng và suy thoái rừng ở những nơi mà nhu cầu cụ thể và nhu cầu hợp tác được xác định - ví dụ như, giúp các hộ tiểu điền và các công ty/doanh nghiệp đảm bảo chỉ làm việc với các chuỗi cung ứng không gây phá rừng. Ủy ban châu Âu đã tham gia vào các dự án về phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức và giải quyết các vấn đề kỹ thuật thông qua các hội thảo cho các hộ tiểu điền ở các nước thứ ba bị ảnh hưởng nhiều nhất.

Xem thêm thông tin về [các cơ hội cho các hộ tiểu điền trong Quy định này](#).

6.7. Các thành phần khác nhau trong sáng kiến của Nhóm châu Âu là gì?

Sự trao đổi, hợp tác nào giữa các thành phần khác nhau của sáng kiến TEI: trung tâm, dự án Nông nghiệp bền vững vì các hệ sinh thái rừng (SAFE), các dự án và hỗ trợ FPI được lập kế hoạch trong bối cảnh này, cũng như trong các bối cảnh lớn hơn, ví dụ ở cấp khu vực? Làm thế nào tránh được sự trùng lặp?

Trung tâm Sáng kiến TEI, được gọi tắt là Trung tâm sáng kiến không mất rừng (“Zero Deforestation Hub”) sẽ cung cấp thông tin và tiếp cận các nước đối tác về các chuỗi giá trị không gây mất rừng và sẽ tiến hành quản lý tri thức để điều phối các dự án liên quan hiện có của Liên minh và các nước thành viên Liên minh, với các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu của TEI. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động khác nhau của Nhóm Châu Âu về các chuỗi giá trị không gây mất rừng ở các nước sản xuất có thể được điều chỉnh tốt hơn, các khoảng trống được xác định và tránh được sự dư thừa.

Dự án **Nông nghiệp bền vững vì các hệ sinh thái rừng (SAFE)** là trụ cột quan trọng nhất về khía cạnh hợp tác của Sáng kiến TEI. Dự án đang được thực hiện ở Brazil, Ecuador, Indonesia và Zambia. Các quốc gia khác sẽ được bổ sung trong năm 2024 gồm Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Công-gô (DRC). Dự án SAFE sẽ được mở rộng quy mô để bao gồm thêm các quốc gia khác thông qua các đóng góp tài chính sắp tới từ các nước thành viên Liên minh.

Hỗ trợ kỹ thuật cho các chuỗi giá trị không gây mất rừng sẽ là công cụ linh hoạt và theo nhu cầu để hỗ trợ các nước sản xuất nâng cao kiến thức chuyên môn về các yêu cầu kỹ thuật, ví dụ như thông tin vị trí địa lý, lập bản đồ sử dụng đất và truy xuất nguồn gốc, đặc biệt tập trung vào các hộ tiểu điền. Các hoạt động hỗ trợ sẽ được phối hợp chặt chẽ với các Phái đoàn của Liên minh và phù hợp với các dự án liên quan hiện có, cũng như phù hợp với dự án SAFE, nhằm tạo ra sự phối hợp tổng thể và tránh sự trùng lặp.

6.8. Sáng kiến của Nhóm châu Âu có liên quan đến CSDDD như thế nào?

Liên quan đến tiến trình lập pháp đang diễn ra liên quan đến Chỉ thị về trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence Directive- CSDDD), Trung tâm sáng kiến TEI sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ phận trợ giúp (Helpdesk) sắp tới của Liên minh về CSDDD, cụ thể là liên quan đến các chuỗi giá trị nông nghiệp và các hộ tiểu điền sẽ bị ảnh hưởng bởi cả Quy định này và CSDDD.

6.9. Có thể giảm thiểu nguy cơ đánh giá và xếp hạng ‘rủi ro cao’ không chính xác như thế nào?

Làm thế nào có thể giảm thiểu rủi ro các cá nhân, tổ chức tránh một số chuỗi cung ứng hoặc một số quốc gia/khu vực sản xuất được đánh giá và xếp hạng là ‘rủi ro cao’?

Các cá nhân, tổ chức thu mua hàng hóa từ các quốc gia hoặc các khu vực của quốc gia được đánh giá và xếp hạng là rủi ro tiêu chuẩn và rủi ro cao thì các cá nhân, tổ chức đó đều phải thực hiện trách nhiệm giải trình tiêu chuẩn. Sự khác biệt duy nhất là các lô hàng từ các quốc gia rủi ro cao sẽ phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ hơn từ các cơ quan có thẩm

quyền (9% các cá nhân, tổ chức thu mua hàng hóa từ các khu vực rủi ro cao). Theo đó, những thay đổi mạnh mẽ của chuỗi cung ứng không được bảo đảm hoặc kỳ vọng. Hơn nữa, việc phân loại rủi ro cao sẽ cần phải có đối thoại cụ thể với Ủy ban châu Âu để cùng nhau giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, đồng thời nhằm giảm mức độ rủi ro của các quốc gia.

6.10. Liên minh sẽ đảm bảo tính minh bạch như thế nào?

Sẽ minh bạch quá trình xây dựng hệ thống đánh giá và xếp hạng quốc gia. Diễn đàn đa bên về chống mất rừng sẽ thường xuyên được cập nhật và tham vấn về phương pháp đánh giá và xếp hạng, với sự tham gia của các nước thứ ba cùng với 27 nước thành viên của Liên minh. Ủy ban châu Âu sẽ cung cấp thông tin cập nhật về cách tiếp cận cũng như phương pháp được sử dụng. Hơn nữa, theo các nghĩa vụ tại Quy định này, Ủy ban châu Âu sẽ tham gia đối thoại với tất cả các quốc gia được phân loại là rủi ro cao, hoặc có nguy cơ được phân loại là rủi ro cao (trước khi thực hiện phân loại), nhằm giảm mức độ rủi ro của các quốc gia này. Điều này nhằm đảm bảo rằng sẽ không có thông báo đột ngột về tình trạng rủi ro của các quốc gia và sẽ cho phép các thảo luận sâu hơn. Đối thoại này sẽ tạo cơ hội cho các quốc gia sản xuất cung cấp thêm thông tin liên quan.

7. HỖ TRỢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH

7.1. Hệ thống thông tin và ‘Cơ chế một cửa của Liên minh’ là gì?

Hệ thống thông tin (IS) là hệ thống công nghệ thông tin sẽ lưu trữ các tuyên bố TNGT được các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại nộp lên Hệ thống thông tin nhằm tuân thủ các yêu cầu của Quy định này. Hệ thống thông tin sẽ hoạt động khi Quy định này được áp dụng và Hệ thống này sẽ cung cấp cho người dùng các chức năng được quy định tại Điều 33 (2) của Quy định này.

Môi trường hải quan một cửa của Liên minh (EU SWE-C) là một nền tảng hỗ trợ/cho phép sự tương thích giữa các hệ thống công nghệ thông tin hải quan và các hệ thống không phải hải quan, như Hệ thống Thông tin được thiết lập theo Điều 33 của Quy định này. Thành phần quan trọng của EU SWE-C, được gọi là hệ thống EU CSW-CERTEX, sẽ kết nối Hệ thống thông tin với các hệ thống công nghệ thông tin hải quan quốc gia và sẽ cho phép các tổ chức kinh tế chia sẻ và xử lý dữ liệu được cung cấp cho các cơ quan hải quan và phi hải quan. Do đó, Hệ thống một cửa sẽ đảm bảo việc chia sẻ thông tin theo thời gian thực và sự hợp tác kỹ thuật số giữa các cơ quan hải quan và các cơ quan có thẩm quyền phụ trách thực thi các thủ tục phi hải quan, bao gồm cả lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.2. Sẽ có những biện pháp bảo mật dữ liệu nào?

Hệ thống thông tin và, sau đó, sự kết nối của Hệ thống này với Môi trường hải quan một cửa của Liên minh, sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với các quy định liên quan và đang có hiệu lực về bảo vệ dữ liệu. Phù hợp với Chính sách Dữ liệu Mở của Liên minh, Ủy ban châu Âu sẽ cung cấp quyền truy cập cho công chúng vào các bộ dữ liệu hoàn toàn ẩn danh của Hệ thống thông tin ở một định dạng mở có thể đọc được bởi máy và đảm bảo tính tương thích, tái sử dụng, và khả năng truy cập.

7.3. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại đăng ký vào Hệ thống thông tin như thế nào?

Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có thể sử dụng thông tin nào để đăng ký vào Hệ thống thông tin, ví dụ như số giấy tờ tùy thân/số đăng ký doanh nghiệp? Các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại không có mã số doanh nghiệp (EORI) và có thể không có mã số thuế (VAT) thì đăng ký vào Hệ thống thông tin như thế nào?

Các cá nhân, tổ chức xuất nhập khẩu hàng hóa và sản phẩm liên quan cần cung cấp mã số doanh nghiệp (**Economic Operators Registration and Identification – EORI**) khi đăng ký TRACES NT. Các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại trong nước không có mã số EORI vẫn có thể đăng ký thông qua một trong số các công cụ nhận diện khác được TRACES hỗ trợ, ví dụ như mã số VAT, mã số công ty quốc gia hoặc mã số người nộp thuế.

7.4. Hệ thống thông tin có thể lưu trữ dữ liệu được sử dụng thường xuyên không?

Hệ thống thông tin có thể lưu trữ dữ liệu thường xuyên được sử dụng không (ví dụ dữ liệu về các nhà cung cấp chính của cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại), để có thể tự động nhập dữ liệu một cách dễ dàng thay vì phải nhập lại dữ liệu cho từng tuyên bố TNGT mới?

Hệ thống thông tin hiện tại không có chức năng này. Tuy nhiên, Hệ thống có thể sao chép các tuyên bố TNGT đã được nộp vào Hệ thống, như vậy giúp tiết kiệm thời gian cho việc khai báo một tuyên bố mới. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại là thực hiện những thay đổi cần thiết đối với các tuyên bố trùng lặp nhằm đảm bảo tính tuân thủ. Ngoài ra, nút “nhập” trên Hệ thống sẽ cho phép các tổ chức kinh tế nhập thông tin về nơi sản xuất từ một tệp đã được xác lập trước (định dạng GeoJson).

7.5. Hệ thống thông tin có giúp nông dân xác định vị trí địa lý lô đất canh tác của họ không?

Không, Hệ thống thông tin hoạt động như là kho lưu trữ các tuyên bố TNGT do các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại nộp vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4(2) và Điều 5(1) của Quy định này. Do đó, Hệ thống không cung cấp phần mềm hay công cụ để xác định các tọa độ vị trí địa lý.

7.6. Một tuyên bố TNGT có thể được sửa đổi không?

Việc hủy bỏ hoặc sửa đổi một tuyên bố TNGT đã được nộp vào Hệ thống có thể thực hiện được trong vòng 72 giờ sau khi Hệ thống cung cấp số tham chiếu của tuyên bố TNGT. Không thể hủy bỏ hoặc sửa đổi nếu số tham chiếu của tuyên bố TNGT đã được đưa vào tờ khai hải quan, đưa vào tuyên bố TNGT khác, hoặc nếu sản phẩm tương ứng được kê khai trong tuyên bố đã được đưa vào thị trường Liên minh, hoặc đã được cung cấp trên thị trường Liên minh, hoặc đã được xuất khẩu từ Liên minh.

7.7. Ai có thể xem dữ liệu về vị trí địa lý được lưu trữ trong Hệ thống thông tin? (MỚI)

Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên Liên minh chịu trách nhiệm kiểm tra thông tin do các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại nộp theo Quy định này, sẽ được quyền truy cập vào dữ liệu vị trí địa lý mà các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại đã nộp vào Hệ thống.

7.8. Định dạng dữ liệu nào là cần thiết để đăng tải vị trí địa lý lên Hệ thống thông tin? Định dạng nào sẽ được chấp nhận để đính kèm tọa độ vị trí địa lý vào các tuyên bố TNGT trong Hệ thống thông tin? (MỚI)

Các cá nhân, tổ chức có thể cung cấp vị trí địa lý cho Hệ thống thông tin bằng cách nhập liệu thủ công hoặc tải dữ liệu dạng tập tin lên. Định dạng tệp được Hệ thống Thông tin hỗ trợ là GeoJson. Hệ thống Thông tin hiện hỗ trợ định dạng tọa độ WGS-84, với phép chiếu EPSG-4326.

7.9. Khi nào Hệ thống thông tin sẽ sẵn sàng? (MỚI)

Hệ thống thông tin theo quy định tại Điều 33 của Quy định này sẽ bắt đầu được triển khai vào giữa tháng 12 năm 2024 với việc đăng ký (dành cho người sử dụng hệ thống) được mở vào tháng 11 năm 2024.

Thời gian **thử nghiệm Hệ thống** dành cho các cá nhân, tổ chức và cơ quan có thẩm quyền đã được tiến hành từ tháng 12/2023 đến cuối tháng 1/2024, nhằm thu thập các ý kiến phản hồi từ người dùng thử nghiệm. Hơn 100 bên liên quan đã tình nguyện tham gia thử nghiệm hệ thống.

Hệ thống sẽ hoạt động đầy đủ khi các quy tắc của Quy định được áp dụng chính thức và cũng sẽ được điều chỉnh, cải tiến theo thời gian sau khi triển khai.

8. CÁC MỐC THỜI GIAN

8.1. Khi nào Quy định này có hiệu lực và được áp dụng?

Quy định này đã được công bố trên Công báo chính thức của Liên minh vào ngày 9/6/2023 và có hiệu lực từ ngày 29/6/2023. Tuy nhiên, việc áp dụng một số điều khoản được liệt kê tại Khoản 2 Điều 38 sẽ có hiệu lực vào ngày 30/12/2024 (18 tháng chuyển tiếp) và vào ngày 30/6/2025 (24 tháng chuyển tiếp) đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ.

8.2. Giai đoạn giữa các mốc thời gian thì sao?

Các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn kể từ khi Quy định này có hiệu lực đến khi được áp dụng thì có phải tuân thủ các yêu cầu của Quy định này không?

Thời gian áp dụng cho các tổ chức và các đơn vị thương mại là doanh nghiệp vừa và lớn dự kiến là 18 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực (vào ngày 30/12/2024). Điều này có nghĩa là các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại không phải tuân thủ các yêu cầu đối với các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày 30/12/2024. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, thời gian này được kéo dài (24 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực – tức là vào ngày 30/6/2025).

8.3. Làm thế nào để chứng minh rằng sản phẩm đã được sản xuất trước ngày Quy định này có hiệu lực? Các quy định đối với sản xuất sản phẩm từ gia súc là gì? (MỚI)

Ai sẽ chịu trách nhiệm chứng minh rằng hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan mà một cá nhân, tổ chức muốn đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh đã được sản xuất trước khi Quy định có hiệu lực và không thuộc phạm vi áp dụng của Quy định này?

Quy định này được áp dụng theo Điều 1(1) trừ khi các điều kiện được quy định tại Điều 1(2) được đáp ứng, nghĩa là hàng hóa có trong sản phẩm hoặc đã được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã được sản xuất trước ngày 29/6/2023, theo quy định tại Điều 2(14). Đối với gia súc, ngày sản xuất là ngày gia súc được sinh ra, nghĩa là Quy định này không áp dụng cho gia súc và các sản phẩm từ chúng nếu gia súc được sinh ra trước khi Quy định này có hiệu lực.

Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm chứng minh rằng hàng hóa của họ thuộc trường hợp ngoại lệ này và phải có khả năng cung cấp thông tin liên quan làm bằng chứng phù hợp để chứng minh rằng các điều kiện được quy định tại Điều 1(2) của Quy định này đã được đáp ứng. Trong trường hợp này, mặc dù các cá nhân, tổ chức không có nghĩa vụ nộp tuyên bố TNGT, họ vẫn cần phải lưu giữ các tài liệu cần thiết để chứng minh rằng Quy định này và các nghĩa vụ theo Quy định này không áp dụng đối với trường hợp của họ.

9. CÁC CÂU HỎI KHÁC

- 9.1. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại không phải DNNVV có nghĩa vụ gì khi đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh một sản phẩm liên quan mà được sản xuất từ một sản phẩm liên quan hoặc hàng hóa liên quan đã được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp (tức giai đoạn từ khi Quy định này có hiệu lực – ngày 29/6/2023 – đến khi Quy định này được áp dụng – ngày 30/12/2024)?**

Trường hợp này có thể được giải thích rõ hơn qua một số kịch bản cụ thể sau:

- 1 Một hàng hóa liên quan (ví dụ: cao su tự nhiên – mã CN 4001) được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp, do đó không nhất thiết phải khai báo vị trí địa lý, sau đó được sử dụng để sản xuất một sản phẩm phái sinh liên quan (ví dụ: lốp xe – mã CN 4011), mà sau đó sản phẩm này được đưa vào thị trường Liên minh, hoặc được xuất khẩu từ Liên minh sau ngày 30/12/2024. Nếu hàng hóa được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp, tức là trước khi Quy định này được áp dụng, khi đưa một sản phẩm phái sinh vào thị trường Liên minh sau ngày 30/12/2024, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải DNNVV) sẽ chỉ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đầy đủ và có thể xác minh để chứng minh rằng hàng hóa liên quan (cao su) được sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan (lốp xe) đã được đưa vào thị trường Liên minh trước khi Quy định này được áp dụng. Điều này không ảnh hưởng đến Điều 37(2) của Quy định này liên quan đến gỗ và các sản phẩm gỗ. Nếu hàng hóa được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu sau giai đoạn chuyển tiếp, tức là sau ngày 30/12/2024, cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải là DNNVV) sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ tiêu chuẩn của Quy định này. Tương tự, đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan được sản xuất từ hàng hóa đã được đưa vào thị trường sau ngày 30/12/2024, cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải là DNNVV) sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ tiêu chuẩn của Quy định này.
- 2 Một sản phẩm liên quan (ví dụ: bơ ca cao – mã CN 1804) được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp, do đó không nhất thiết phải khai báo vị trí địa lý, nhưng sau đó được sử dụng để sản xuất một sản phẩm phái sinh liên quan khác (ví dụ: sô-cô-la – mã CN 1806) mà sản phẩm này được một cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh sau ngày 30/12/2024. Trong trường hợp này, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức (và các đơn vị thương mại không phải là DNNVV) khi đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh một sản phẩm phái sinh (sô-cô-la) sẽ chỉ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đầy đủ và có thể xác minh để chứng minh rằng sản phẩm phái sinh liên quan (bơ ca cao) đã được đưa vào thị trường Liên minh trước khi Quy định này được áp dụng. Đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan cuối cùng được sản xuất từ các sản phẩm liên quan khác đã được đưa vào thị trường Liên minh sau ngày 30/12/2024, cá nhân, tổ chức (và các đơn vị

thương mại không phải DNNVV) sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ tiêu chuẩn của Quy định này. Điều này không ảnh hưởng đến Điều 37(2) của Quy định này liên quan đến gỗ và các sản phẩm gỗ.

- 3 Một cá nhân, tổ chức đưa một hàng hóa liên quan hoặc sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp, và sau đó được một hoặc nhiều đơn vị thương mại không phải DNNVV cung cấp trên thị trường sau ngày 30/12/2024. Trong kịch bản này, nghĩa vụ của các đơn vị thương mại không phải DNNVV sẽ chỉ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đầy đủ và có thể xác minh để chứng minh rằng hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan đó đã được đưa vào thị trường Liên minh trước khi Quy định này được áp dụng. Điều này không ảnh hưởng đến Điều 37(2) của Quy định này liên quan đến gỗ và các sản phẩm gỗ.

Riêng với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, là đối tượng được hưởng quyền lùi thời hạn áp dụng Quy định này như được quy định tại Điều 38(3) của Quy định này, các kịch bản sau được sẽ áp dụng:

- 1 Nếu một cá nhân, tổ chức, đủ điều kiện là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, đưa vào thị trường Liên minh sau ngày 30/6/2025 một sản phẩm liên quan được làm từ một hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan đã được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp (từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/12/2024), nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức đó sẽ chỉ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đầy đủ và có thể xác minh để chứng minh rằng hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan đó đã được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày 30/12/2024.
- 2 Tuy nhiên, nếu sản phẩm liên quan được làm từ một hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan đã được đưa vào thị trường Liên minh sau giai đoạn chuyển tiếp (tức là sau ngày 30/12/2024) và kèm theo tuyên bố TNGT, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức đủ điều kiện là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ và đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh từ ngày 30/6/2025, sẽ giống như nghĩa vụ của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác.
- 3 Nếu một công ty quy mô lớn (hoặc vừa) (công ty B) đưa vào thị trường Liên minh một sản phẩm được làm từ một hàng hóa liên quan đã được một doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc nhỏ (công ty A) đưa vào thị trường Liên minh trước ngày 30/6/2025, nghĩa vụ của công ty B sẽ chỉ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đầy đủ và có thể xác minh để chứng minh rằng hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan đã được đưa ra thị trường Liên minh trước thời hạn mà công ty A áp dụng Quy định này (tức là ngày 30/6/2025).

9.2. Cần có bằng chứng nào để chứng minh rằng sản phẩm đã được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày Quy định này được áp dụng (tức là những tài liệu nào được chấp nhận làm bằng chứng về việc 'đưa sản phẩm vào thị trường')? (MỚI)

Trong trường hợp sản phẩm nhập khẩu, tờ khai hải quan của các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được đề cập sẽ được chấp nhận là bằng chứng xác nhận rằng sản phẩm đã

được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày Quy định này có hiệu lực. Đối với các hàng hóa được sản xuất bên trong Liên minh, các tài liệu khác có thể được chấp nhận làm bằng chứng, chẳng hạn như tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất, bao gồm giấy phép khai thác, thẻ tai gia súc, vận đơn, hóa đơn tạm tính đi kèm khi giao hàng cho khách hàng, CMR (Công ước về Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường bộ), biên bản giao hàng và bất kỳ tài liệu nào khác trực tiếp liên quan với sản phẩm đang được đề cập, minh chứng cho việc chuyển giao hàng hóa giữa 2 bên.

9.3. Các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp có thể được trộn lẫn cùng với các sản phẩm tuân thủ Quy định này và được đưa vào thị trường Liên minh sau thời gian chuyển tiếp nếu có thể chứng minh rằng từng lô hàng trong đó đã được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp hoặc tuân thủ Quy định này không? (MỚI)

Với điều kiện tất cả các yêu cầu được quy định chi tiết tại Điều 3(a) - (c) của Quy định này đều được đáp ứng, các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh sau ngày Quy định có hiệu lực và các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp (do đó được miễn trừ), kèm theo bằng chứng chứng minh đã được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp, có thể được trộn lẫn với nhau trước khi đưa vào thị trường Liên minh.

9.4. Việc trộn lẫn các mặt hàng được lưu kho trong thời gian chuyển tiếp với các mặt hàng sẽ được đưa vào thị trường Liên minh sau ngày 30/12/2024 sẽ diễn ra như thế nào trên thực tế, đặc biệt là trong Hệ thống thông tin? (MỚI)

Tuyên bố Trách nhiệm giải trình phải được tải lên Hệ thống thông tin đối với các sản phẩm liên quan thuộc phạm vi áp dụng các nghĩa vụ giải trình theo Quy định này. Nếu các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có trộn trong các mặt hàng được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp một số mặt hàng được sản xuất gần đây hơn (sau thời gian chuyển tiếp), thì thông tin liên quan đến các mặt hàng sau này cần phải được đưa vào Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình, vì các mặt hàng này phải tuân thủ nghĩa vụ giải trình.

Đối với "hàng tồn kho chuyển tiếp", vui lòng tham khảo Câu hỏi ở phía trên.

9.5. Trên thực tế, thời gian chuyển tiếp bắt đầu và kết thúc khi nào? (MỚI)

Thời gian chuyển tiếp bắt đầu từ ngày Quy định có hiệu lực (30/6/2023) và kết thúc vào ngày trước khi Quy định này chính thức được áp dụng.

9.6. Các cơ quan có thẩm quyền nên tiến hành kiểm tra các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp như thế nào để đảm bảo tuân thủ Quy định này? (MỚI)

Các cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành kiểm tra các sản phẩm liên quan để xác định xem các sản phẩm đó có được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển

tiếp hay không. Trong trường hợp này, các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp bằng chứng để chứng minh rằng sản phẩm được miễn trừ khỏi phạm vi áp dụng của Quy định này, cụ thể như đã được nêu trong phần trả lời cho Câu hỏi số 79.

9.7. Ủy ban châu Âu có ban hành các hướng dẫn không?

Ủy ban châu Âu đang xây dựng **các hướng dẫn** nhằm giải thích chi tiết một số khía cạnh của Quy định này, đặc biệt là định nghĩa “sử dụng cho mục đích nông nghiệp”, để giải quyết các vấn đề liên quan tới đất nông-lâm nghiệp và đất nông nghiệp, cấp chứng chỉ, tính hợp pháp và các khía cạnh khác mà các bên liên quan quan tâm. Những hướng dẫn này dự kiến sẽ được ban hành và xuất bản trước ngày EUDR có hiệu lực.

Ủy ban châu Âu cũng đang thu thập ý kiến góp ý và thúc đẩy đối thoại giữa các bên liên quan thông qua Diễn đàn đa bên về bảo vệ và phục hồi rừng thế giới nhằm cung cấp hướng dẫn không chính thức về một số vấn đề. Tài liệu này về các câu hỏi thường gặp đã trả lời các câu hỏi thường gặp nhất mà Ủy ban châu Âu nhận được từ các bên liên quan và sẽ được cập nhật theo thời gian. Nếu cần thiết, các công cụ hỗ trợ bổ sung sẽ được huy động.

Tuy nhiên, việc tuân thủ Quy định không phụ thuộc vào các hướng dẫn bổ sung. Mục đích của Ủy ban châu Âu là giải thích chi tiết một số khía cạnh cụ thể của Quy định, chẳng hạn như cách triển khai trên thực tế, chia sẻ các thực tiễn hiệu quả nhất v.v.

9.8. Ủy ban châu Âu có ban hành các hướng dẫn cụ thể theo hàng hóa không?

Không. Tuy nhiên, mục đích của Ủy ban châu Âu là đưa ra các ví dụ thực hành tốt nhất, được đưa vào các tài liệu hướng dẫn, ở một mức độ nào đó sẽ đề cập đến các khía cạnh cụ thể theo hàng hóa.

9.9. Nghĩa vụ báo cáo của các cá nhân, tổ chức là gì?

Các cá nhân, tổ chức không phải DNNVV sẽ phải báo cáo về hệ thống trách nhiệm giải trình của họ công khai hàng năm. Đối với các cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị về Báo cáo Bền vững của Doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD) và tuân thủ kịp thời Các tiêu chuẩn về Báo cáo Bền vững của Liên minh (EU Sustainability Reporting Standards - ESRS), việc công bố báo cáo của họ theo các yêu cầu trong CSRD có đủ không? Hay sẽ có các yêu cầu báo cáo bổ sung?

Theo EUDR, nghĩa vụ báo cáo là nếu các cá nhân, tổ chức đồng thời thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản pháp lý khác của Liên minh mà các văn bản này có các yêu cầu liên quan đến thực hiện trách nhiệm giải trình chuỗi giá trị thì các cá nhân, tổ chức có thể thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo Quy định này bằng cách cung cấp các thông tin cần thiết như khi báo cáo theo quy định của các văn bản pháp lý khác của Liên minh (Điều 12.3).

9.10. Hệ thống quan sát của Liên minh về mất rừng và suy thoái rừng là gì?

Hệ thống quan sát sẽ được xây dựng dựa trên các công cụ giám sát hiện có, bao gồm các sản phẩm của Copernicus và các nguồn lực công hoặc tư sẵn có khác, nhằm hỗ trợ việc thực hiện Quy định này thông qua cung cấp bằng chứng khoa học, bao gồm các bản đồ che phủ đất vào ngày 31/12/2020, liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng toàn cầu và các hoạt động thương mại liên quan. Việc sử dụng các bản đồ này không tự động đảm bảo rằng các điều kiện của Quy định này được tuân thủ, nhưng sẽ là công cụ giúp các công ty/doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ Quy định, ví dụ như đánh giá rủi ro mất rừng. Các công ty/doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình.

Hệ thống quan sát của Liên minh về mất rừng và suy thoái rừng sẽ bao phủ toàn bộ rừng trên thế giới, gồm cả rừng châu Âu và sẽ được phát triển phù hợp với những thay đổi về chính sách đang diễn ra của Liên minh như Luật Giám Sát Rừng; và hoạt động nâng cấp và tăng cường Hệ thống Thông tin Rừng cho châu Âu (FISE).

Mục đích chính của các bản đồ tham khảo do Hệ thống quan sát cung cấp sẽ hỗ trợ đánh giá rủi ro cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại và các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên Liên minh. Do đó, các bản đồ tham khảo sẽ có những đặc điểm sau:

- **Không mang tính bắt buộc.** không có quy định bắt buộc các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại (hoặc các cơ quan có thẩm quyền) phải sử dụng các bản đồ tham khảo của Hệ thống quan sát khi thực hiện đánh giá rủi ro.
- **không phải duy nhất.** Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại (cũng như các cơ quan có thẩm quyền) có thể sử dụng các bản đồ khác chi tiết hơn các bản đồ do Hệ thống quan sát cung cấp. Không có quy định về các phương thức cung cấp thông tin cho đánh giá rủi ro của Quy định này. Hệ thống quan sát của Liên minh chỉ là một trong nhiều công cụ có sẵn và sẽ là công cụ được Ủy ban châu Âu cung cấp miễn phí.
- **không ràng buộc về mặt pháp lý.** Do đó, các bản đồ tham khảo được cung cấp bởi Hệ thống quan sát của Liên minh và có thể được sử dụng cho đánh giá rủi ro. Tuy nhiên, không thể kết luận ngay là không tuân thủ khi thông tin vị trí địa lý thu được cho thấy khu vực sản xuất ra sản phẩm thuộc địa phận của rừng. Mặt khác, việc vị trí địa lý của khu vực sản xuất nằm ngoài một khu vực được coi là rừng cũng không đảm bảo lô hàng hóa/sản phẩm sẽ không bị kiểm tra (có thể được kiểm tra ngẫu nhiên, hoặc căn cứ vào các yếu tố rủi ro khác), hoặc rằng hàng hóa nghiêm nhiên tuân thủ. Điều này xuất phát từ hai lý do: thứ nhất, các bản đồ không có độ chính xác tuyệt đối; thứ hai, ngay cả khi hàng hóa không gây mất rừng, vẫn có khả năng vi phạm pháp luật.

9.11. Điều gì cấu thành rủi ro cao, và việc đình chỉ có thể diễn ra trong bao lâu?

Điều 17 cho phép các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp ngay lập tức - bao gồm đình chỉ - trong các tình huống có nguy cơ không tuân thủ cao. Điều gì cấu thành rủi ro cao và việc đình chỉ có thể diễn ra trong bao lâu?

Các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng nhiều phương pháp để xác định xem sản phẩm liên quan có rủi ro cao hoặc không đáp ứng các yêu cầu của Quy định này, chẳng hạn như kiểm tra tại chỗ, phân tích rủi ro dựa trên các kế hoạch được thiết lập theo mức độ rủi ro của các cá nhân, tổ chức, xác định rủi ro thông qua hệ thống thông tin, hoặc thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền khác, các quan ngại có căn cứ, v.v.

Trong những trường hợp như vậy, các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp tạm thời theo quy định tại Điều 23, bao gồm đình chỉ việc đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp sản phẩm trên thị trường Liên minh. Thời gian đình chỉ sẽ kết thúc trong vòng ba ngày làm việc hoặc 72 giờ đối với các sản phẩm dễ hư hỏng. Tuy nhiên, dựa trên các kiểm tra được thực hiện trong thời gian này, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định kéo dài thời gian đình chỉ thêm ba ngày để xác minh tính tuân thủ EUDR của các sản phẩm đó.

9.12. Quy định này liên kết với Chỉ thị về Năng lượng tái tạo của Liên minh như thế nào?

Mục tiêu của Quy định của Liên minh châu Âu về sản phẩm không gây mất rừng (EUDR) và mục tiêu của Chỉ thị về Năng lượng tái tạo (RED) mang tính bổ trợ lẫn nhau vì cả hai văn bản đều hướng đến mục tiêu bao trùm là chống biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học. Các hàng hóa và sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của cả hai văn bản pháp luật này đều sẽ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu về tiếp cận thị trường chung theo EUDR và các yêu cầu để được công nhận là năng lượng tái tạo theo RED. Những yêu cầu này được thiết kế tương thích và bổ trợ lẫn nhau.

Cụ thể đối với các hệ thống chứng nhận về Thay đổi Gián tiếp Sử dụng đất thấp (Indirect Land Use Change-ILUC) theo Quy định của Ủy ban châu Âu (EU) 2019/807 bổ sung Chỉ thị (EU) 2018/2001, các hệ thống chứng nhận này cũng có thể được các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại sử dụng trong hệ thống trách nhiệm giải trình của họ để thu thập thông tin theo yêu cầu của EUDR nhằm đáp ứng các yêu cầu về thông tin và truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định tại Điều 9 của Quy định này. Tuy nhiên, tương tự như những hệ thống chứng nhận khác, việc sử dụng các chứng nhận nói trên không làm giảm các nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại trong thực hiện trách nhiệm giải trình được quy định tại EUDR.

10. CHẾ TÀI XỬ PHẠT

10.1. Điều này có nghĩa là gì khi các chế tài xử phạt do các nước thành viên Liên minh đặt ra không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ của các nước thành viên Liên minh theo Chỉ thị 2008/99/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu? (MỚI)

Các nước thành viên Liên minh phải thiết lập khuôn khổ quốc gia về chế tài xử phạt, bao gồm các biện pháp xử phạt theo quy định tại Điều 25(2) của Quy định này. Mức độ và hình thức xử phạt phải tuân thủ quy định tại Chỉ thị về tội phạm môi trường. Các điều khoản trong chỉ thị phải được áp dụng theo nguyên tắc kế thừa pháp luật

10.2. Mức tiền phạt tối đa là bao nhiêu? (MỚI)

Các quốc gia thành viên có toàn quyền quyết định về chế tài xử phạt, bao gồm mức tiền phạt. Đối với pháp nhân, mức tiền phạt tối đa không được thấp hơn 4% tổng doanh thu hàng năm của các cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại trên toàn lãnh thổ Liên minh của trong năm tài chính liền kề trước thời điểm ban hành quyết định xử phạt, giá trị tiền phạt được tính theo phương pháp xác định tổng doanh thu của các doanh nghiệp theo quy định tại Điều. 5(1) của Quy định (EC) số 139/2004 của Hội đồng châu Âu.

Mức tiền phạt sẽ được tăng lên khi cần thiết, đặc biệt là trong trường hợp vi phạm nhiều lần. Các chế tài xử phạt phải đảm bảo tác dụng ngăn chặn các cá nhân, tổ chức liên quan hưởng lợi từ những hành vi vi phạm, theo nguyên tắc hiệu quả, tương xứng với mục tiêu của Quy định và mang tính răn đe.

10.3. Khi thực hiện quy định liên quan đến Chỉ thị Đấu thầu Mua sắm công, các quốc gia thành viên Liên minh có quyền tùy ý quyết định về việc áp dụng các biện pháp tự khắc phục hay không? (MỚI)

Ngoại trừ các yêu cầu của Điều 25(1) và (2) của Quy định này, các quốc gia thành viên Liên Minh có quyền tự ý quyết định về việc có áp dụng quy định nguyên tắc tự khắc phục hay không. Tuy nhiên, các quốc gia thành viên cần đảm bảo rằng quy định này sẽ không cản trở hiệu lực của các chế tài xử phạt bằng cách ban hành và áp dụng các quy tắc về tự khắc phục.

10.4. Theo Điều 25(3) của Quy định này, “Các nước thành viên Liên minh phải thông báo cho Ủy ban về các phán quyết cuối cùng” và các chế tài xử phạt áp dụng đối với các pháp nhân. Ủy ban sẽ công bố danh sách các phán quyết này trên trang web của mình. Danh sách này đề cập đến tất cả các quyết định hành chính hay phán quyết của tòa án? (MỚI)

Quy định này có nghĩa là các nước thành viên Liên minh phải thông báo cho Ủy ban về các phán quyết cuối cùng đối với pháp nhân, tức là các phán quyết của tòa án.

10.5. Tôi đã chặt một số cây nhỏ trên mảnh đất của mình và hiện đang nuôi một số con bò trên mảnh đất đó. Tôi có ý định bán gỗ và thịt bò tại một chợ địa phương ở Liên minh. Tôi có bị phạt khi bán gỗ và thịt bò không vì tôi đã chặt cây trên mảnh đất của mình? (MỚI)

Nhìn chung, các quốc gia thành viên Liên minh chịu trách nhiệm thực thi Quy định này. Tại Liên minh, nguyên tắc tương xứng với mục tiêu của Quy định là một trong những nguyên tắc pháp luật chung được áp dụng để giải thích và thực thi pháp luật Liên minh.

Việc chặt cây chỉ được coi là vi phạm quy định không mất rừng theo Quy định này nếu những cây đó là một phần của rừng theo định nghĩa tại Quy định này. Trường hợp này xảy ra nếu cây sinh trưởng trên diện tích không phải đất nông nghiệp hoặc đất đô thị trải dài hơn 0,5 ha, có độ cao hơn 5 mét và độ che phủ của tán cây đạt hơn 10% hoặc cây có khả năng đạt đến các ngưỡng này tại chỗ. Nếu một khu vực không đáp ứng được một trong những tiêu chí này thì không được coi là rừng và việc chặt cây không vi phạm quy định không gây mất rừng của EUDR.

10.6. Tôi phải làm gì nếu gặp sự cố liên quan đến công nghệ thông tin trên Hệ thống thông tin? (MỚI)

Vui lòng tham khảo trang web của Hệ thống thông tin của Quy định này: https://green-business.ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation/deforestation-due-diligence-registry_en

